**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

***Tuần 1: Từ ngày 9/9/2024 đến ngày 13/9/2024***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Ngày** | **Môn** | **Số tiết chương trình** | **Tên bài dạy** |
| **Hai** | **Sáng**  **9/9** | **HĐTN** | 1 | SHDC: Chào mừng năm học mới |
| **Tiếng Việt** | 1 | **Chia sẻ và đọc:** *Tuổi ngựa* (tiết 1) |
| **Tiếng Việt** | 2 | **Chia sẻ và đọc:** *Tuổi ngựa* (tiết 2) |
| **Toán** | 1 | Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000 |
| **Chiều** | **Tin** |  |  |
| **Công nghệ** |  |  |
| **Âm nhạc** |  |  |
| **Ba** | **Sáng**  **10/9** | **Tiếng Việt** | 3 | **Viết:** Viết đoạn văn về một nhân vật |
| **Toán** | 2 | Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000 (tt) |
| **Khoa học** | 1 | Bài 1: Tính chất và vai trò của nước (tiết 1) |
| **Đạo đức** | 1 | Bài 1: Người lao động quanh em (tiết 1) |
| **Chiều** | **Anh văn** |  |  |
| **Anh văn** |  |  |
| **Tư** | **Sáng**  **11/9** | **Tiếng Việt** | 4 | **Nói và nghe:** Kể chuyện: *Làm chị* |
| **Toán** | 3 | Ôn tập về hình học và đo lường |
| **GDTC** | 1 | Động tác đi đều một hàng dọc vòng bên phải |
| **HĐTN** | 2 | Giữ gìn trường em xanh, sạch, đẹp |
| **Khoa học** | 2 | Bài 1: Tính chất và vai trò của nước (tiết 2) |
| **Năm** | **Sáng**  **12/9** | **Tiếng Việt** | 5 | **Đọc:** *Cái răng khểnh* |
| **Toán** | 4 | Ôn tập về hình học và đo lường (tt) |
| **Anh văn** |  |  |
| **Anh văn** |  |  |
| **Chiều** | **Tiếng Việt** | 6 | **Luyện từ và câu:** Danh từ |
| **LS&ĐL** | 1 | Bài 1: Làm quen với phương tiện học tập môn LS&ĐL (tiết 1) |
| **GDTC** | 2 | Ôn tập động tác đi đều một hàng dọc vòng bên phải |
| **Mĩ thuật** |  |  |
| **Sáu** | **Sáng**  **13/9** | **Tiếng Việt** | 7 | **Viết:** Luyện tập viết đoạn văn về một nhân vật |
| **Toán** | 5 | Ôn tập về một số yếu tố thống kê và xác suất |
| **LS&ĐL** | 2 | Bài 1: Làm quen với phương tiện học tập môn LS&ĐL (tiết 2) |
| **HĐTN** | 3 | SHL: Tuyên truyền phong trào *Trường em xanh, sạch, đẹp* |

**Ngày dạy: 9/9/2024**

**Tiết: 01, 02**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐỀ: MĂNG NON**

**BÀI 1: CHÂN DUNG CỦA EM**

**CHIA SẺ VÀ BÀI ĐỌC: TUỔI NGỰA**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

1. **Năng lực đặc thù**

* Năng lực ngôn ngữ:
* Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ học sinh dễ viết sai.
* Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa. Tốc độ đọc 75 - 80 tiếng/phút.
* Đọc thầm nhanh hơn ở lớp 3.
* Hiểu nghĩa của các từ ngữ được chú giải trong bài.
* Trả lời được các câu hỏi về nội dung của các đoạn thơ, toàn bài thơ.
* Hiểu được đặc điểm của nhân vật bạn nhỏ trong bài thơ: thích đi ngao du đây đó; có tình yêu thiên nhiên, đất nước; có lòng yêu thương và biết ơn mẹ.
* Thể hiện được giọng đọc vui tươi, tha thiết phù hợp với nội dung và ý nghĩa của bài thơ.
* Năng lực văn học:
* Bước đầu cảm nhận được những đặc điểm đáng yêu của nhân vật quan ngôn ngữ nhân vật và các chi tiết miêu tả.
* Bày tỏ được sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp trong bài thơ.

1. **Phẩm chất**

* Yêu nước: Có tình yêu thiên nhiên, đất nước.
* Nhân ái: Tình yêu thương dành cho mẹ.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, giấy A0 (3 tờ), giấy A4 (15 tờ)

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 2’ | **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp hát 1 bài.  - GV giới thiệu bài mới. | - Cả lớp hát và vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe. |
| 10’  12’  12’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức**   * ***Hoạt động 1: Chia sẻ***   - GV mời 1 HS đọc yêu cầu Trò chơi hỏi đáp.  - GV tổ chức cả lớp chơi Trò chơi hỏi đáp theo hình thức nhóm đôi: Đặt 5 câu hỏi để hiểu về bạn.  Ví dụ:  + Trò chơi bạn thích nhất là gì?  + Món ăn bạn thích nhất là món nào?  + Bạn thích môn học nào nhất?  + Bạn không thích điều gì?  + Nếu tự vẽ mình, bạn sẽ chú ý tới đặc điểm nào?  - GV tổ chức cho một số nhóm thể hiện kết quả theo hình thức đóng vai, phỏng vấn lẫn nhau. Nhóm khác bổ sung.  - GV đặt câu hỏi cho cả lớp: Qua trò chơi trên, em hiểu “Chân dung của em” có nghĩa là gì?  - GV nhận xét, đánh giá, khích lệ, động viên HS.  - GV giới thiệu chủ điểm Măng non  - GV dẫn dắt vào bài học: Mỗi người chúng ta đều mang một vẻ ngoài riêng, có những tính cách khác nhau, giọng nói khác nhau, sở thích khác nhau, sở trường khác nhau. Vì vậy, mỗi một người đều là một đóa hoa đặc biệt trong rừng hoa có vô vàn những bông hoa khác nhau. Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về “chân dung” của mình cũng như của mọi người xung quanh. Bài học đầu tiên của môn Tiếng Việt lớp 4: **Bài 1 – Chân dung của em.**   * ***Hoạt động 2: Đọc thành tiếng***   - GV đọc mẫu cho HS bài thơ Tuổi Ngựa: giọng đọc linh hoạt hồn nhiên, hào hứng, tình cảm, thiết tha.  - GV cùng HS giải nghĩa một số từ ngữ khó:  + Tuổi Ngựa: sinh năm Ngọ (theo âm lịch).  + Trung du: miền đất ở khoảng giữa thượng du (nơi bắt đầu) và hạ du (nơi kết thúc) của một dòng sông.  + Đại ngàn: khu rừng lớn, có nhiều cây to lâu đời.  - GV giải nghĩa thêm một số từ SGK chưa giải nghĩa: mấp mô (chỉ đường không bằng phẳng, có sỏi, đá).  - GV tổ chức và hướng dẫn cho HS luyện đọc: Đọc nối tiếp từng khổ thơ trước lớp.  + GV gọi bất kì 4 HS đọc bài, từng em đứng lên đọc tiếp nối đến hết bài.  + GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi dài hơn giữa các khổ thơ, giọng đọc thể hiện sự hồn nhiên, niềm hào hứng cũng như tình cảm tha thiết của cậu bé.  - GV tổ chức HS đọc bài theo nhóm 4 người: đọc nối tiếp 4 khổ thơ.  - GV mời đại diện nhóm đọc (ít nhất là 2 nhóm), sau đó cho các HS khác nhận xét.  - GV nhấn mạnh vào những từ ngữ khó đọc và những từ ngữ dễ mắc lỗi chính tả: triền núi, lóa, xôn xao, dẫu.   * ***Hoạt động 3: Đọc hiểu***   - GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 5 câu hỏi:  + Ở khổ thơ 1, bạn nhỏ hỏi mẹ điều gì? Mẹ trả lời thế nào?  + Bạn nhỏ tưởng tượng “ngựa con” sẽ theo ngọn gió đi những đâu?  + Theo em, vì sao bạn nhỏ tưởng tượng mỗi vùng đất có một màu gió riêng?  + Em thích những hình ảnh nào trong khổ thơ 3?  + Hãy nêu cảm nghĩ của em về nhân vật bạn nhỏ trong bài thơ.  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài thơ, thảo luận nhóm 4 người theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi bằng trò chơi *Em là phóng viên nhí*.  - GV yêu cầu HS thực hiện trò chơi:  + Mỗi nhóm cử 1 đại diện tham gia.  + Đại diện nhóm 1 đóng vai phóng viên, phỏng vấn đại diện nhóm 2. Nhóm 2 trả lời, sau đó đổi vai.  Câu 1: Ở khổ thơ 1, bạn nhỏ hỏi mẹ điều gì? Mẹ trả lời thế nào?  Câu 2: Bạn nhỏ tưởng tượng “ngựa con” sẽ theo ngọn gió đi những đâu?  Câu 3: Theo em, vì sao bạn nhỏ tưởng tượng mỗi vùng đất có một màu gió riêng?  Câu 4: Em thích những hình ảnh nào trong khổ thơ 3?  Câu 5: Hãy nêu cảm nghĩ của em về nhân vật bạn nhỏ trong bài thơ.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Qua bài đọc, em hiểu nội dung bài thơ nói về điều gì?  - GV mời 2 - 3 HS trả lời. HS khác nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm. | - HS đọc to, rõ ràng yêu cầu trò chơi.  - HS chơi trò chơi theo nhóm đôi.  - HS thể hiện kết quả trước lớp.  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  “Chân dung của em” là tất cả những gì tạo nên con người em: đặc điểm ngoại hình, tính cách, điều mình thích/ không thích, sở trường/ sở đoản… Và mỗi người sẽ có một “chân dung” riêng của chính mình.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS cùngGV giải nghĩa từ khó.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn.  - HS đọc nối tiếp bài thơ trước lớp.  - HS đọc bài theo nhóm.  - Đại diện nhóm đọc bài trước lớp, các HS khác lắng nghe và nhận xét.  - HS phân biệt các âm, vần, thanh dễ lẫn, sửa phát âm sai (nếu có) và viết đúng chính tả.  - HS đọc tiếp nối câu hỏi; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS thảo luận theo nhóm 4 người.  - HS chơi trò chơi Em là phóng viên nhí.  Câu 1:  HS1: Ở khổ thơ 1, bạn nhỏ hỏi mẹ điều gì?  HS2: Ở khổ thơ 1, bạn nhỏ đã hỏi mẹ: “Mẹ ơi, con tuổi gì?”  HS1: Mẹ đã trả lời thế nào?  HS2: Mẹ trả lời rằng: “Tuổi con là tuổi Ngựa”.  Câu 2:  HS1: Bạn nhỏ tưởng tượng “ngựa con” sẽ theo ngọn gió đi những đâu?  HS2: Bạn nhỏ tưởng tượng “ngựa con” sẽ theo ngọn gió đi đến miền trung du, vùng đất đỏ, rừng đại ngàn, triền núi đá.  Câu 3:  HS1: Vì sao bạn nhỏ tưởng tượng mỗi vùng đất có một màu gió riêng?  HS2: Bạn nhỏ tưởng tượng mỗi vùng đất có một màu gió riêng vì mỗi một vùng đất có một đặc điểm riêng. Qua đó, chúng ta cũng có thể thấy trí tưởng tượng phong phú và ước mơ được khám phá những vùng đất lí thú của cậu bé.  Câu 4: Với câu hỏi này, HS sẽ có câu trả lời khác nhau tùy sở thích mỗi người.  Gợi ý:  HS1: Cậu thích hình ảnh nào trong khổ thơ 3?  HS2: Trong khổ thơ 3, mình/ tớ thích hình ảnh “Lóa màu trắng hoa mơ” bởi hình ảnh này khiến mình liên tưởng đến một cánh rừng hoa mơ rộng lớn với sắc màu trắng muốt tinh khôi.  Câu 5:  HS1: Cậu có cảm nhận, suy nghĩ gì về nhân vật bạn nhỏ trong bài thơ “Tuổi Ngựa”?  HS2: Cậu bé trong bài thơ “Tuổi Ngựa” là một bạn nhỏ có trí tưởng tượng phong phú, bay bổng, lãng mạn với ước mơ được bay nhảy, khám phá tới mọi vùng miền đất nước. Đặc điểm này giống với đặc điểm của một chú ngựa – không thể đứng yên một chỗ như lời cậu đã nói. Đồng thời, cậu bé còn là một người con vô cùng yêu mẹ của mình, dù sau này có lớn lên, có đi xa thì cậu vẫn sẽ nhớ đường trở về với mẹ.  - HS trả lời: Bài nói lên ước mơ và trí tưởng tượng đầy lãng mạn của cậu bé tuổi Ngựa. Cậu thích bay nhảy nhưng cũng rất yêu mẹ, đi đâu cũng nhớ tìm đường về với mẹ.  - HS lắng nghe. |
| 23’ | **3. Hoạt động luyện tập**  ***Đọc diễn cảm và học thuộc lòng khổ thơ 3 và 4.***  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm khổ 3, 4 với giọng cảm tình cảm, sâu lắng, thiết tha; ngắt nghỉ đúng chỗ; biết nhấn mạnh vào những từ ngữ quan trọng.  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm khổ 3.  - GV nhận xét HS. | - HS lắng nghe.  - HS thi đọc.  - HS lắng nghe. |
| 10’ | **4. Hoạt động vận dụng**  - GV nêu câu hỏi thảo luận: Nếu em là chú ngựa con trong bài, em sẽ nhắn nhủ mẹ mình điều gì?  - GV mời đại diện 1 - 2 HS trình bày suy nghĩ của mình trước lớp.  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS. | - HS thảo luận nhóm đôi và thực hiện nhiệm vụ.  - HS trình bày suy nghĩ của mình trước lớp.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |
| 2’ | **5. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV đặt câu hỏi: Cậu bé trong bài thơ có những tính cách gì đáng yêu?  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  - Dặn dò: GV nhắc HS:  + Học thuộc lòng bài thơ.  + Xem và chuẩn bị bài Viết đoạn văn về một nhân vật. | - HS suy nghĩ, trả lời.  Cậu bé trong bài thơ: giàu trí tưởng tượng, giàu mơ ước, thích chạy nhảy, khám phá; yêu mẹ, đi đâu cũng nhớ về mẹ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 01**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN**

**ÔN TẬP VỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 000 (tiết 1)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tìm hiểu về số và phép tính trong phạm vi 100 000 ở các ứng dụng thực tế.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

1. **Năng lực đặc thù**

* HS lập, viết được các số trong phạm vi 100 000; biết so sánh số, sắp xếp các số theo thứ tự và thứ tự các số trên tia số; biết làm tròn các số đến hàng chục nghìn.
* HS thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia (tính nhẩm và tính viết) trong phạm vi 100 000 (không nhớ và có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp); vận dụng giải bài toán thực tế, có lời văn.
* HS nhớ và nhận biết được các kí hiệu các số La Mã.

1. **Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: Trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: hình minh hoạ bài, bảng nhóm.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 2’ | **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp hát 1 bài.  - GV giới thiệu bài mới. | - Cả lớp hát và vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe. |
| 30’ | **2. Hoạt động luyện tập**   * Bài 2:   - GV gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS làm bài vào vở.   1. HS xác định quy luật dãy số và đọc dãy số. 2. HS nhắc lại quy tắc làm tròn và đọc đáp án dưới dạng: "Làm tròn số 26 358 đến hàng chục ta được số……." 3. HS so sánh và thực hiện đọc các số theo thứ tự từ bé đến lớn.   - GV chữa bài và lưu ý hệ thống cho HS cách so sánh số:  + Số có ít chữ số hơn thì bé hơn.  + Hai số có số chữ số bằng nhau: So sánh các cặp chữ số cùng hàng theo thứ tự từ trái sang phải.  Cặp chữ số đầu tiên khác nhau  + Trên tia số: Số bên trái bé hơn số bên phải.  - Nhận xét.   * Bài 3:   - GV mời HS nêu yêu cầu bài tập.  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở bài tập.  - Nhận xét, chữa bài.   * Bài 4:   - GV gọi HS đọc đề bài toán.  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Muốn biết Kiên có bao nhiêu điểm ta làm thế nào?  - GV yêu cầu học sinh làm vào vở, 1 HS làm vào phiếu to.  - GV nhận xét, chữa bài. | - HS nêu yêu cầu của bài.  - HS làm bài vào vở, đổi chéo vở chữa bài.   1. Các số cần điền là:   26 450; 26 850   1. Số 26 358 làm tròn đến hàng chục : 26 360   - Số 26 358 làm tròn đến hàng trăm : 26 400  - Số 26 358 làm tròn đến hàng nghìn : 25 000  - Số 26 358 làm tròn đến hàng chục nghìn : 30 000   1. Các số theo thứ tự từ bé đến lớn là :   20 990; 29 909; 29 999; 90 000  **-** HS nêu yêu cầu bài.  - HS làm bài vào vở.   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | + | 27 369 | | - | | 90 714 | | | | 34 425 | | 61 533 | | | |  | **61 794** | |  | | **29 181** | | | |  | | 15 273 | | 36 472 | | 4 | | 3 | | 04 | | **9118** | |  | | **45 819** | | 07  32  0 | |  |   **-** Hai HS đọc.  - Bài toán cho biết : số điểm cao nhất trong trò chơi tung bóng vào lưới là 25 928 điểm,…  - Bài toán hỏi Kiên đang có bao nhiêu điểm ?  - Ta thực hiện tính trừ 25 928 cho 2 718.  - HS làm bài và trình bày bài giải.  Bài giải:  Số điểm Kiên đang có là :  25 928 – 2 718 = 23 210 (điểm)  Đáp số : 23 210 điểm |
| 3’ | **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - Khi thực hiện đặt tính cộng, trừ ta cần lưu ý gì?  - GV nhận xét tiết học. | - Các số trong hàng phải thẳng nhau.  - HS lắng nghe. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Ngày dạy: 10/9/2024**

**Tiết: 03**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐỀ: MĂNG NON**

**BÀI 1: CHÂN DUNG CỦA EM**

**VIẾT: VIẾT ĐOẠN VĂN VỀ MỘT NHÂN VẬT**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Trao đổi với các bạn về các ý trong đoạn văn.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được đặc điểm ngoại hình và tính cách nhân vật.

1. **Năng lực đặc thù**

* Năng lực ngôn ngữ:
* Hiểu về cấu tạo của đoạn văn về một nhân vật.
* Vận dụng quy tắc *Bàn tay* đã học để xác định những việc cần làm khi viết đoạn văn về một nhân vật.
* Năng lực văn học: Thể hiện được cảm nghĩ về nhân vật.

1. **Phẩm chất**

Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ và trách nhiệm thông qua việc giải các bài tập trong bài.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: đoạn văn mẫu.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 2’ | **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp vận động theo bài hát: Ngựa ta phi nhanh nhanh.  - Gọi học sinh đọc bài *Tuổi Ngựa* và hỏi:  + Cậu bé trong bài thơ có những tình cách gì đáng yêu?  + Qua bài đọc, em hiểu nội dung bài thơ nói về điều gì?  - GV giới thiệu bài mới. | - Cả lớp vận động theo nhạc.  - HS đọc bài và trả lời các câu hỏi. |
| 33’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức**   * ***Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu tạo đoạn văn***   - GV cho HS nối tiếp nhau đọc đoạn văn trong phần Nhận xét (2 lần).  - GV sử dụng kĩ thuật “Mảnh ghép”  + Vòng 1: Nhóm Chuyên gia: GV cho HS thảo luận nhóm 6 theo câu hỏi được giao.  *Câu 1: Đoạn văn trên viết về nội dung gỉ?*  *Câu 2: Câu mở đầu của đoạn văn (câu mở đoạn) có tác dụng gì?*  *Câu 3: Các câu tiếp theo phát triển những ý nào của câu mở đoạn?*  *+* Vòng 2: Nhóm Mảnh ghép: GV cho HS đếm số từ 1 đến 4 để hình thành nhóm mới. các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ câu trả lời ở vòng 1 cho nhau. Các nhóm trình bày vào bảng phụ.  - GV mời các nhóm trình bày kết quả.  *Câu 1: Đoạn văn trên viết về nội dung gì?*  *Câu 2: Câu mở đầu của đoạn văn (câu mở đoạn) có tác dụng gì?*  *Câu 3: Các câu tiếp theo phát triển những ý nào của câu mở đoạn?*   * ***Hoạt động 2: Rút ra bài học***   - GV hỏi:  + Khi viết đoạn văn về một nhân vật cần viết về những nội dung gì?  + Đoạn văn viết về nhân vật có cấu tạo như thế nào?  - Cho HS đọc nối tiếp nội dung bài học; nêu lại nội dung bài học, không cần nhìn sách. | - HS lắng nghe.  - HS đọc đoạn văn.  - HS thảo luận nhóm theo câu hỏi được phân công.  - Chia sẻ câu trả lời đã thảo luận ở vòng 1 và trình bày vào bảng phụ.  Kết quả dự kiến HS trả lời:  Câu 1: Đoạn văn trên nêu cảm nghĩ về đặc điểm ngoại hình, tính cách của nhân vật Dế Mèn trong truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí.*  Câu 2: Câu mở đầu giới thiệu nhân vật và nêu khái quát cảm nghĩ về đặc điểm nhân vật Dế Mèn.  Câu 3: Các câu tiếp theo làm rõ đặc điểm về ngoại hình và tính cách của Dế Mèn đã nêu trong câu mở đoạn.  - HS trả lời:  + Cần nêu cảm nghĩ về đậc điểm ngoại hình và tính cách của nhân vật.  + Đoạn văn gồm có câu mớ đoạn và một số câu tiếp theo. Câu mờ đoạn giới thiệu và nêu khái quát câm nghĩ về đặc điểm của nhân vật. Các câu tiếp theo làm rõ những đặc điềm đã nêu trong câu mở đoạn. Trong đó, có các câu nêu nhận xét và the hiện tình cảm của người viêt với nhân vật.  - HS nêu lại. |
|  | **3. Hoạt động luyện tập**  - GV gọi HS đọc nối tiếp nội dung yêu cầu của phần luyện tập (2 lần).  - Yêu cầu HS tự đọc lại (hoặc nhớ lại) bài đọc *Tuổi Ngựa*.  - GV giới thiệu về quy tắc bàn tay:  + Viết về ai?  + Tìm ý  + Sắp xếp ý  + Viết đoạn văn  + Hoàn chỉnh đoạn văn  - GV mời một số HS nói về dự định viết đoạn văn của mình.  - GV mời HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc.  - Học luyện đọc và tự nhớ lại theo nhóm đôi.  - Viết về nhân vật bạn nhỏ trong bài thơ Tuổi Ngựa.  - Tìm ý:  + Bạn nhỏ trong bài thơ có đặc điểm gì về ngoại hình, về tính cách?  + Em có nhận xét, tình cảm gì với bạn nhỏ trong bài thơ?  - Sắp xếp các ý em tìm được; có thể thêm/ bớt/ điều chỉnh các ý.  - Dựa vào kết quả bước 3 để viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về đặc điểm của nhân vật.  + Đọc lại đoạn văn, phát hiện và sửa lỗi (nếu có); có thể điều chỉnh đoạn văn (thêm hoặc bớt từ ngữ, thay từ ngữ...) cho hay.  - Một số HS giới thiệu về đoạn văn.  - HS nêu cảm nghĩ về những người bạn xung quanh mình.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |
|  | **4. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.  - GV yêu cầu HS tự nhận xét về tiết học: ưu điểm, nhược điểm của cả lớp; những điều đã làm được, những điều cần rút kinh nghiệm, rèn luyện thêm.  - GV nhận xét tiết học .  - Chuẩn bị bài cho hôm sau. |  |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 02**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN**

**ÔN TẬP VỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 000 (tiết 2)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tìm hiểu về số và phép tính trong phạm vi 100 000 ở các ứng dụng thực tế.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

1. **Năng lực đặc thù**

* HS lập, viết được các số trong phạm vi 100 000; biết so sánh số, sắp xếp các số theo thứ tự và thứ tự các số trên tia số; biết làm tròn các số đến hàng chục nghìn.
* HS thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia (tính nhẩm và tính viết) trong phạm vi 100 000 (không nhớ và có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp); vận dụng giải bài toán thực tế, có lời văn.
* HS nhớ và nhận biết được các kí hiệu các số La Mã.

1. **Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: Trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: hình minh hoạ bài, bảng nhóm.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 2’ | **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp hát 1 bài.  - GV giới thiệu bài mới. | - Cả lớp hát và vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe. |
| 30’ | **2. Hoạt động luyện tập**   * Bài 5:   - GV gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS làm bài vào vở.  - GV nhận xét.  - GV gọi HS nêu cách tính giá trị biểu thức, cách nhân nhẩm với 11.   * Bài 6:   - GV mời HS nêu yêu cầu bài tập.  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở bài tập.  - GV gọi HS đọc các số la mã vừa tìm được.  - Nhận xét, chữa bài.   * Bài 7:   - GV gọi HS đọc đề bài toán.  - GV hỏi:  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Muốn biết chiếc bánh loại nào giá bán cao nhất, loại nào giá bán thấp nhất ta làm thế nào?  - GV yêu cầu học sinh làm vào vở, 1 HS làm vào phiếu to.  - GV nhận xét, chữa bài. | - HS nêu yêu cầu của bài.  - HS làm bài vào vở, đổi chéo vở chữa bài.  + Phần a: nêu miệng,  + Phần b: 3 HS làm trên bảng lớp  a) Biểu thức cùng giá trị là :  0 + 989 cùng giá trị BT 989 + 0  (450 + 38) + 105 cùng giá trị BT 450 + (38 +105)  b) 32  (15 – 6) = 32  11 = **352**  244 – 124 : 4 = 244 – 31 = **213**  180 : (3  2) = 180 : 6 = **30**  - Biểu thức có dấu ngoặc ta thực hiện trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau.  - Muốn nhân nhẩm một số có hai chữ số với 11 ta lấy chữ số hàng chục cộng với chữ số hàng đơn vị rồi viết tổng vào giữa hai số đã cho.  - HS nêu yêu cầu bài.  - HS làm bài.  - Các số còn thiếu là: VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII, XIV, XV, XVI, XVII, XVIII, XIX, XX.  - Hai HS đọc.  - HS lắng nghe.  - HS đọc đề.  - Bài toán cho biết:  + Hiền mua 1 hộp bánh vị cam có 3 chiếc giá 39 000 đồng.  + Hải mua 1 hộp bánh vị dâu có 2 chiếc giá 50 000 đồng.  + Đức mua 1 hộp bánh vị sô-cô-la có 4 chiếc giá 48 000 đồng.  - Bài toán hỏi chiếc bánh loại nào có giá bán cao nhất và thấp nhất.  - Ta cần tính giá tiền một hộp bánh và một chiếc bánh mỗi loại rồi so sánh với nhau.  - HS làm bài và trình bày bài giải.  Bài giải:  + Giá tiền của 1 hộp bánh vị cam là  36 000 : 4 = 9 000 (đồng)  Giá tiền của một chiếc bánh vị cam là :  9 000 : 3 = 3 000 (đồng)  + Giá tiền của 1 hộp bánh vị dâu là  50 000 : 5 = 10 000 (đồng)  Giá tiền của một chiếc bánh vị dâu là :  10 000 : 2 = 5 000 (đồng)  + Giá tiền của 1 hộp bánh vị sô-cô-la là :  48 000 : 3 = 16 000 (đồng)  Giá tiền của một chiếc bánh vị sô-cô-la là :  16 000 : 4= 4 000 (đồng)  Vậy chiếc bánh vị dâu có giá bán cao nhất là 10 000 đồng, chiếc bánh vị sô-cô-la có giá bán thấp nhất là 4 000 đồng. |
| 3’ | **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - Khi thực hiện tính giá trị biểu thức ta cần lưu ý gì?  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - Yêu cầu HS đọc và chuẩn bị trước Bài 2 - Ôn tập về hình học và đo lường  - GV nhận xét tiết học. | - HS trả lời. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 01**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: KHOA HỌC**

**BÀI 1: TÍNH CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA NƯỚC (tiết 1)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học, biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia tích cực vào các trò chơi, hoạt động khám phá kiến thức.

1. **Năng lực đặc thù**

* Nêu được một số tính chất của nước.
* Nêu được vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt.
* Làm được thí nghiệm đơn giản để phát hiện được một số tính chất của nước.
* Vận dụng được tính chất của nước trong một số trường hợp đơn giản.
* Liên hệ thực tế ở gia đình, địa phương về ứng dụng một số tính chất của nước và vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt.

1. **Phẩm chất**

* Nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
* Chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập.
* Trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: tranh ảnh liên quan đến chủ đề, đồ dùng thí nghiệm theo nhóm và theo yêu cầu của mỗi thí nghiệm trong SGK.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp hát một bài hát.  - GV tuyên dương và giới thiệu bài mới: ***Bài 1 - Tính chất và vai trò của nước*** | - Cả lớp hát.  - HS theo dõi, ghi bài mới. |
| 10’ | **2. Hình thành kiến thức mới**   * ***Hoạt động 1: Thực hành tìm hiểu một số tính chất của nước***   - GV hướng dẫn HS làm thí nghiệm theo các bước trong SGK:  *• Rót nước đun sôi để nguội vào một cốc thuỷ tinh không màu (hình 2):*  *+ Quan sát màu và ngửi mùi của nước.*  *+ Uống nước và cảm nhận vị của nước.*  *• Cho biết màu, mùi và vị của nước.*  - GV yêu cầu các nhóm thực hành và thảo luận, ghi lại kết quả tìm hiểu về màu, mùi và vị của nước.  - GV lưu ý HS:  *+ Dùng nước ở bình lọc nước có sẵn ở trong lớp.*  *+ Lấy nước cẩn thận, không để nước đổ ra nền gây trơn, trượt, mất vệ sinh.*  *+ Không để nhiều HS chung một cốc nước.*  - GV gọi đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm và nhận xét chéo nhau.  - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, tuyên dương các nhóm có câu trả lời chính xác, chốt lại màu, mùi vị của nước.  ***\* Tìm hiểu về hình dạng của nước***  - GV hướng dẫn HS làm thí nghiệm theo các bước trong SGK:  • *Rót một lượng nước như nhau vào một số dụng cụ thuỷ tinh trong suốt có các hình dạng khác nhau như hình 3. Quan sát hình dạng của nước so với hình dạng của vật chứa nó.*  • *Nhận xét hình dạng của nước.*  - GV yêu cầu các nhóm quan sát và nhận xét hình dạng của nước so với hình dạng của vật chứa nó; sau đó ghi lại kết quả tìm hiểu về hình dạng của nước.  - GV gọi đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận và nhận xét chéo nhau.  - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, tuyên dương nhóm có câu trả lời chính xác, chốt lại hình dạng của nước.  ***\* Tìm hiểu về hướng nước chảy***  - GV hướng dẫn HS làm thí nghiệm theo các bước trong SGK:  *• Dựng nghiêng chiếc bảng nhựa trên khay như hình 4. Đỗ nhẹ nước vào phần trên cao của bảng nhựa và quan sát nước chảy.*  *• Nhận xét hướng nước chảy trên bảng nhựa và trong khay*  - GV yêu cầu các nhóm thực hiện thí nghiệm, quan sát nước chảy trên bảng và trong khay.  - GV lưu ý HS:  *+ Khi đổ nước phải nhẹ nhàng, từ từ để quan sát nước chảy trên bảng nhựa và trong khay.*  - GV gọi đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm và nhận xét chéo nhau.  - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, tuyên dương các nhóm có câu trả lời chính xác, chốt lại hướng nước chảy.  ***\*Tìm hiểu về tính thấm của nước.***  - GV hướng dẫn HS làm thí nghiệm theo các bước trong SGK:  *• Căng miếng vải sợi bông trên miệng cốc A; căng miếng ni lông trên miệng cốc B (hình 5). Lần lượt rót nước vào hai cốc A, B. Quan sát miếng vải và miếng ni lông trên miệng hai cốc.*  *• Cho biết nước thấm qua vải hay ni lông.*  - GV yêu cầu các nhóm thực hiện thí nghiệm, quan sát miếng vải và miếng ni lông trên miệng hai cốc.  - GV lưu ý HS:  *+ Khi rót nước vào 2 cốc A và B phải rót từ từ một lượng nước vừa phải. Nếu rót mạnh và nhiều, nước sẽ tràn ra ngoài cốc.*  - GV gọi đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm và nhận xét chéo nhau.  - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, tuyên dương các nhóm có câu trả lời chính xác, chốt lại tính thấm của nước  \****. Tìm hiểu về tính chất tan của nước.***  - GV hướng dẫn HS làm thí nghiệm theo các bước trong SGK:  *• Rót một lượng nước như nhau vào ba cốc A, B, C. Cho một thìa muối vào cốc A, một thìa đường vào cốc B, một thìa cát sạch vào cốc C (hình 6). Quan sát ba cốc A, B, C. Sau đó khuấy đều cả ba cốc. Quan sát và mô tả hiện tượng ở mỗi cốc.*  *• Nhận xét: Nước hoà tan và không hoà tan được chất nào?*  - GV yêu cầu các nhóm thực hiện thí nghiệm, quan sát, mô tả hiện tượng xảy ra ở ba cốc trước và sau khi khuấy.  - GV yêu cầu HS thảo luận, ghi lại kết quả.  - GV gọi đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm và nhận xét chéo nhau.  - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, tuyên dương các nhóm có câu trả lời chính xác, chốt lại tính thấm của nước.  - GV yêu cầu các nhóm tổng hợp các tính chất của nước được rút ra từ các thí nghiệm.  - GV gọi đại diện các nhóm lên bảng trình bày, các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương và chốt lại các kiến thức trọng tâm:  *Nước ở dạng lỏng trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định. Nước chảy từ cao xuống thấp, lan ra khắp mọi phía, thấm qua một số vật và hoà tan được một số chất.*  - GV đưa ra các yêu cầu giúp HS khắc sâu kiến thức:  *+ Em hãy lấy thêm ví dụ trong tự nhiên cho thấy nước luôn chảy từ cao xuống thấp.*  *+ Nêu các vật dụng có thể dựng nước, nhận xét về hình dạng của nước khi được đựng trong các vật đó.*  *+ Nêu cách làm ra những viên nước đá có nhiều hình dạng khác nhau. Cách làm này là ứng dụng tinh chất nào của nước?*  - GV gọi một số HS trả lời, cả lớp nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng.   * ***Hoạt động 2: Quan sát hình vẽ, nêu được một số ứng dụng tính chất của nước***   - GV tổ chức cho HS hoạt động thành 5 nhóm, quan sát các hình 7 -10 ở SGK/7 và trả lời câu hỏi: *“Mỗi hình thể hiện ứng dụng tính chất nào của nước?”*  - GV yêu cầu các nhóm suy nghĩ, thảo luận tìm đáp án.  - GV gọi đại diện các nhóm lên trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét.  - GV đánh giá, nhận xét phần trình bày của các nhóm, tuyên dương HS trả lời tốt. | - HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn.  - HS thực hiện yêu cầu.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS trả lời: *Nước không màu, không mùi, không vị.*  - HS lắng nghe, chữa bài.  - HS chú ý lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn.  - HS thực hiện theo yêu cầu.  - HS trả lời: *Nước không có hình dạng nhất định.*  - HS lắng nghe, chữa bài.  - HS thực hiện theo yêu cầu.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS trả lời: *Nước chảy từ trên cao xuống thấp. Khi xuống khay, nước lan ra mọi phía.*  - HS lắng nghe, chữa bài.  - HS chú ý lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS trả lời: *Nước thấm qua vải.*  - HS lắng nghe, chữa bài.  - HS chú ý lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS trả lời: *Nước hoà tan được muối và đường, không hoà tan được cát.*  - HS lắng nghe, chữa bài.  - Các nhóm thực hiện theo yêu cầu.  - Đại diện các nhóm trình bày: *Nước không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định. Nước chảy từ trên cao xuống, lan ra mọi phía, thấm qua một số vật và hoà tan được một số chất.*  - HS chú ý lắng nghe, ghi vào vở.  - HS lắng nghe và thực hiện các yêu cầu của GV.  - *Vòi nước, rót nước từ bình vào cốc, thác nước,…*  *- Lọ, bình, túi, hộp, chậu,…-> Nước có hình dạng của vật đựng.*  *- Cho nước lỏng vào khay có hình dạng khác nhau rồi làm lạnh -> Ứng dụng của tính chất về hình dạng của nước.*  - HS chú ý lắng nghe.  - HS chia thành các nhóm.  - HS hoạt động theo nhóm.  - Đại diện nhóm trả lời:  + *Hình 7: Ứng dụng tính chất không thấm nước qua ni lông làm ô và ủng; áp dụng tính chất của nước chảy từ cao xuống thấp, làm ô dốc xuống để nước chảy, không đọng trên ô.*  *+ Hình 8: Ứng dụng tính chất nước chảy từ cao xuống thấp, làm ruộng bậc thang, ngăn không cho nước chảy hết xuống chân đồi, núi.*  *+ Hình 9: Ứng dụng tính chất nước khôgn có hình dạng nhất định để làm những bình đựng có hình dạng đẹp mắt và dễ sử dụng.*  *+ Hình 10: Ứng dụng tính chất hoà tan đường của nước để pha nước chanh.*  - HS lắng nghe. |
|  | **3. Hoạt động luyện tập, thực hành**  ***Xử lí tình huống và trả lời câu hỏi***  *\* Trả lời câu hỏi bài tập Luyện tập, Vận dụng SGK/7.*  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm bốn thực hiện nhiệm vụ trong logo luyện tập, vận dụng trang 7 SGK.  *1. Nếu em có một đôi giày vải và một đôi ủng bằng cao su thì khi trời mưa, em sẽ chọn đi đôi nào? Vì sao?*  *2. Nêu thêm ví dụ về ứng dụng tính chất của nước ở gia đình và địa phương em.*  - Các nhóm thảo luận, xác định câu trả lời.  - GV gọi đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi trước lớp, HS nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, chính xác hóa câu trả lời. | - HS thảo luận nhóm và thực hiện yêu cầu.  - Đại diện các nhóm xung phong trả lời:  + Khi trời mưa nên chọn đi đôi ủng bằng cao su. Điều này dựa vào tính thấm của nước: cao su không thấm nước, còn vải thấm nước.  + Ứng dụng: làm cống nước thấp hơn mặt nền.  - HS lắng nghe.  - HS chú ý, ghi nhớ, rút kinh nghiệm. |
|  | **4. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Đọc và chuẩn bị trước tiết sau. |  |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 01**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: ĐẠO ĐỨC**

**BÀI 1: NGƯỜI LAO ĐỘNG QUANH EM**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học, biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận nhóm để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

1. **Năng lực đặc thù**

* Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh đối với quê hương, đất nước.
* Biết vì sao phải biết ơn người lao động.
* Thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.
* Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ hành vi biết ơn những người lao động.

1. **Phẩm chất**

* Bồi dưỡng lòng nhân ái, yêu mến, kính trọng và biết ơn người lao động.

\* Lồng ghép ATGT: Tuân thủ hiệu lệnh của người điều khiển giao thông khi tham gia giao thông.

\* GD LTCM: Biết ơn người lao động.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: tranh ảnh, tư liệu, bài hát *Lớn lên em sẽ làm gì?* (Trần Hữu Pháp).

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 3’ | **1. Khởi động**  - Cả lớp hát.  - GV nhận xét.  - GV dẫn dắt HS vào bài học: *Nhờ có những người lao động, chúng ta mới có những sản phẩm cần thiết cho cuộc sống. Vì vậy, chúng ta cần biết ơn người lao động. Bài học****“Biết ơn người lao động”****sẽ giúp các em hiểu được vì sao chúng ta cần biết ơn người lao động qua việc tìm hiểu những đóng góp của họ trong cuộc sống.* | - HS hát theo giai điệu bài hát.  - HS lắng nghe.  - HS nêu tên bài. |
| 10’ | **2. Hình thành kiến thức mới**   * ***Hoạt động 1: Tìm hiểu những đóng góp của người lao động***   - GV yêu cầu HS quan sát 6 bức tranh ở mục 1 phần ***Khám phá.***  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Em hãy nêu những đóng góp của người lao động trong các tranh trên.*  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp:  + Tranh 1: Nghệ sĩ đờn ca tài tử Nam Bộ là những người góp phần bảo tồn di sản văn hoá phi vật thể quý giá của cộng đồng, mang lại những giây phút giải trí cho người nghe, góp phần phục vụ du lịch bền vững ở địa phương, duy trì sự đa dạng văn hoá của quốc gia và quốc tế…  + Tranh 2: Chú bộ đội luôn sẵn sàng chiến đấu chống quân xâm lược, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; đồng thời tham gia bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.  + Tranh 3: Người nông dân tham gia lao động sản xuất, chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi để làm ra các nông sản phục vụ nhu cầu về lương thực, thực phẩm của mọi người.  + Tranh 4: Bác sĩ khám bệnh, chẩn đoán, kê đơn thuốc, ra phác đồ điều trị và chăm sóc sức khoẻ cho người bệnh.  + Tranh 5: Thợ may làm ra những bộ trang phục giúp chúng ta giữ ấm, chống nắng, làm đẹp,…  + Tranh 6: Diêm dân là người sản xuất muối.  - GV tiếp tục đặt câu hỏi cho HS: *Hãy kể thêm những đóng góp của một số người lao động khác mà em biết.*  - GV mời 2 - 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, chốt đáp án:  *Một số đóng góp của những nghề nghiệp khác:*  *+ Giáo viên: dạy cho ta kiến thức, kĩ năng.*  *+ Nhà khoa học: nghiên cứu, phát minh ra những công trình giúp cuộc sống con người được cải thiện.*  *+ Lao công: làm sạch cho đường phố.*  - GV nêu một số câu đố vui về nghiệp và yêu cầu HS giải đố:  *+ Nghề gì cần đến đục cưa*  *Làm ra giường, tủ,...* *sớm trưa ta cần?*  *+ Nghề gì vận chuyển hàng hóa, hành khách từ nơi này đến nơi khác?*  - GV nhận xét và chốt đáp án: nghề mộc, nghề vận tải   * ***Hoạt động 2: Khám phá vì sao phải biết ơn người lao động?***   - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi:  *a. Bài học quý mà Hùng, Quý và Nam nhận được là gì?*  *b. Theo em, vì sao phải biết ơn người lao động?*  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, chốt đáp án:  *a. Bài học quý mà Hùng, Quý và Nam nhận được là cần phải biết ơn người lao động.*  *b. Phải biết ơn người lao động vì: Trong cuộc sống, chúng ta cần có những sản phẩm như lương thực, thực phẩm và những đồ dùng cần thiết khác do người lao động tạo ra. Chúng ta cần có những sản phẩm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần. Vì vậy, chúng ta cần phải biết ơn người lao động.*  *Trên đời này, quý nhất là người lao động bởi người lao động là người làm ra lúa gạo, vàng bạc và biết sử dụng thời gian. Nếu không có người lao động thì tất cả mọi thứ đều không có và thời gian cũng trôi qua một cách vô vị và nhàm chán.* | - HS quan sát tranh.  - HS trả lời, ví dụ:  *Đóng góp của những người lao động:*  *+ Tranh 1: Nghệ sĩ đánh đàn đáp ứng nhu cầu tinh thần của con người.*  *+ Tranh 2: Bộ đội  bảo vệ Tổ quốc.*  *+ Tranh 3: Nông dân  làm ra lúa, gạo cho xã hội.*  *+ Tranh 4: Bác sĩ  khám, chữa bệnh cho mọi người.*  *+ Tranh 5: Công nhân may  may quần áo cho mọi người*  *+ Tranh 6: Người làm muối (diêm dân) là tạo ra muối cho con người.*  - HS lắng nghe, nhận xét.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe GV nêu câu đố và trả lời:  + Nghề mộc  + Nghề vận tải  - HS đọc câu chuyện *Cái gì quý nhất*.  - HS thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi.  - HS trình bày kết quả thảo luận. |
| 10’ | **3. Hoạt động luyện tập**   * ***Hoạt động 1: Bài tập 1: Nhận xét ý kiến***   - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc yêu cầu Bài tập 1 SHS/7 và nhận xét các ý kiến.  - GV mời đại diện nhóm phát biểu, nêu ý kiến. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  *+ Nhóm 1 - ý kiến 1*    *+ Nhóm 2 - ý kiến 2*    *+ Nhóm 3 - ý kiến 3*  *+ Nhóm 4 - ý kiến 4*  - GV nhận xét, đánh giá.   * ***Hoạt động 2: Bài tập 2: Bày tỏ ý kiến***   - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và bày tỏ ý kiến: *Em đồng tình hay không đồng tình với lời nói, việc làm nào sau đây? Vì sao?*  - GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và GDHS: Chúng ta nên tuân thủ hiệu lệnh của người điều khiển giao thông khi tham gia giao thông.   * ***Hoạt động 3: Bài tập 3: Xử lí tình huống***   - GV chia HS thành 4 nhóm và giao nhiệm cho các nhóm:  + Nhóm 1, 3: Đọc và xử lí tình huống 1.  + Nhóm 2, 4: Đọc và xử lí tình huống 2.  \* *Lưu ý: GV khuyến khích HS xây dựng kịch bản, đóng vai và xử lí tình huống*.  - GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi tình huống của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi cho nhóm bạn (nếu có).  *-* GV nhận xét, đánh giá. | *1. Ý kiến này là không chính xác, vì bất kể người lao động kiếm được nhiều tiền hay ít tiền thì đều có đóng góp cho xã hội.*  *2. Ý kiến này là chính xác, vì tất cả sản phẩm cả vật chất và tinh thần đều được tạo ra nhờ những người lao động trải qua quá trình nghiên cứu, phát triển mới tạo ra.*  *3. Ý kiến này là không chính xác, vì cần biết ơn tất cả những người lao động tạo ra tất cả sản phẩm trong xã hội.*  *4. Ý kiến này là chính xác, vì xã hội, cuộc sống con người ngày càng phát triển và được cải thiện là nhờ tất cả sản phẩm do người lao động tạo ra.*  - HS trả lời:  *a. Đồng tình vì bạn học sinh đã hiểu rõ sự đóng góp của công việc đầu bếp trong xã hội.*  *b. Không đồng tình vì bạn nhỏ chưa tôn trọng các cô chú công an giao thông.*  *c. Đồng tình vì Thanh đã có lời nói* *thể hiện sự tôn trọng, biết ơn đối với chú bảo vệ ở trường học của mình.*  *d. Đồng tình với lời nói của người mẹ vì thể hiện sự biết ơn đối với nhân viên thu ngân ở cửa hàng. Không đồng tình với suy nghĩ của bạn nhỏ vì điều đó thể hiện sự không tôn trọng đối với nhân viên thu ngân.*  *-* HS lắng nghe, tiếp thu.  *+ Tình huống 1: Nếu là Nam, em sẽ trả lời Quân rằng: Nhà báo cũng có rất nhiều đóng góp cho xã hội. Nhà báo là người đưa tin tức nhanh nhất về đất nước, xã hội cũng như của các quốc gia khác trong mọi lĩnh vực tới mọi người để mọi người dân đều có thể nắm được những tình hình trong nước và ngoài nước.*  *+ Tình huống 2: Nếu là Hồng, em sẽ nói với Lan rằng: Dù mình không quen biết họ, nhưng họ có đóng góp rất lớn cho xã hội; đồng thời cũng là tấm gương tốt để chúng ta noi theo, vì vậy, chúng ta cần biết yêu quý những người lao động trong xã hội.*  - HS lắng nghe, tiếp thu. |
| 2’ | **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà thực hiện:  *+ Làm việc theo nhóm 4 HS/nhóm: Sưu tầm một số câu ca dao, tục ngữ, bài thơ, bài hát,… về người lao động.*  Tiết học sau sẽ trình bày sản phẩm trước lớp.  *+ Tìm hiểu và chia sẻ với bạn bè về một người lao động quanh em.*  Tiết học sau sẽ chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Biết ơn người lao động.*  + Thực hiện các bài tập ở phần Vận dụng.  + Đọc trước *Bài 2 – Em biết ơn người lao động*(SHS tr.9). | - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, tiết sau trình bày sản phẩm trước lớp.  - HS lắng nghe.    - HS lắng nghe và thực hiện. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Ngày dạy: 11/9/2024**

**Tiết: 04**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐỀ: MĂNG NON**

**BÀI 1: CHÂN DUNG CỦA EM**

**NÓI VÀ NGHE: KỂ CHUYỆN *LÀM CHỊ***

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Trả lời đúng các câu hỏi.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chủ động, tự tin trao đổi cùng các bạn trong nhóm, lớp.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sáng tạo khi kể chuyện: chọn ngôi kể, sắp xếp trinh tự câu chuyện, sử dụng phương tiện trực quan, trang phục...

1. **Năng lực đặc thù**

* Năng lực ngôn ngữ:
* Nghe hiểu và kể lại được câu chuyện *Làm chị*.
* Biết cách trao đổi với các bạn về câu chuyện.
* Biết cách nghe, ghi chép vắn tắt nhận xét về cách kể chuyện và về ý kiến của bạn trong trao đổi.
* Năng lực văn học:
* Cảm nhận được cái hay của câu chuyện và biết thể hiện tinh cảm, cảm xúc khi kể chuyện.

1. **Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái (yêu thương, quý trọng con người, tôn trọng sự khác biệt của mỗi người).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: tranh minh hoạ bài của bài *Làm chị,* bàn trình chiếu sơ đồ trong SGK.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 3’ | **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp hát.  - GV giới thiệu bài học:  Ở bài đọc “Tuổi Ngựa” các em đã được làm quen với một em bé giàu lòng nhân ái, yêu thiên nhiên, đất nước. Hôm nay, chúng ta sẽ làm quen với một cô bé, dù còn nhỏ nhưng đã biết giúp đỡ mẹ và chăm sóc em. Các em hãy chú ý lắng nghe câu chuyện nhé.  - GV ghi tên bài học: Kể chuyện “Làm chị”. | - Cả lớp hát và vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe. |
| 10’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức**   * ***Hoạt động 1: Nghe kể chuyện (BT1)***   - Lần 1: GV kể diễn cảm toàn bộ câu chuyện Làm chị cho cả lớp nghe.  - Lần 2: GV kể từng đoạn câu chuyện, kết hợp sử dụng câu hỏi trong sơ đồ SGK tr.8 để hướng dẫn HS theo dõi nội dung câu chuyện.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, yêu cầu HS trả lời lần lượt các câu hỏi trong sơ đồ để nắm vững tình tiết, diễn biến và nhân vật của câu chuyện.   * ***Hoạt động 2: Kể chuyện***   *Nhiệm vụ 1: Kể chuyện trong nhóm*  - GV mời đại diện 1 HS đọc BT1. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV giúp HS hiểu nhiệm vụ: Dựa vào sơ đồ và các câu hỏi gợi ý để kể và trao đổi về câu chuyện “Làm chị”.  - GV tổ chức cho HS kể chuyện trong nhóm (mỗi nhóm 3 – 4 HS).  *Nhiệm vụ 2: Kể chuyện trước lớp*  - Yêu cầu HS khá, giỏi kể lại toàn bộ câu chuyện.  - Các HS khác và GV góp ý.   * ***Hoạt động 3: Trao đổi về câu chuyện (BT2)***   - GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm (mỗi nhóm 5-6 HS) về 4 nội dung:  *+ Em suy nghĩ gì về câu chuyện giữa Hồng và em trai?*  *+ Giữa em với anh (hoặc chị, em) của mình có những đi êm gì giống Hồng và Thái?*  *+ Từ những thay đổi của Hồng trong việc giúp đỡ mẹ và chăm sóc em trai, em có suy nghĩ gì?*  *+ Câu chuyện trên giúp em hiếu điểu gì?*  - GV mời các nhóm trình bày kết quả.  - GV cùng HS nhận xét, bổ sung.  - GV tuyên dương các nhóm. | - HS lắng nghe.     - HS lắng nghe.  - HS hoạt động nhóm.  - HS đọc bài.    - HS lắng nghe.  - HS kể chuyện trong nhóm.    -HS xung phong kể từng đoạn của câu chuyện.  - HS lắng nghe và nhận xét.  - Thảo luận nhóm theo câu hỏi được phân công.  + Hồng và em Thái rất hay cãi nhau, chẳng ai chịu nhường ai.  + HS có thể nêu nhiều ý kiến khác nhau, phù hợp với thực tế. VD: Em trai em đôi khi không nghe lời em. / Em cũng hay bướng với anh, chị. / Hai chị em em cũng hay tị nạnh nhau. / Em và anh trai em rât hoà thuận. /... GV có lời khuyên hoặc lời khen đối với HS.  - Hồng là cô bé biết thương mẹ, nghe lời mẹ, biết thay đổi để làm mẹ vui lòng.  - Muốn em ngoan thì phải nói nhẹ nhàng với em. / Muốn em ngoan thì phải gương mẫu. / Muốn làm người khác thay đổi, trước tiên minh phải thay đổi để làm gương cho người đó. |
|  | **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV mời HS kể chuyện diễn cảm theo đoạn.  + Em thích các chi tiết thú vị trong câu chuyện? Vì sao?  + Qua câu chuyện, em đã học được điều gì ?  - Liên hệ GD HS về đạo đức con người trong thời đại hiện nay.  - GV nhận xét tiết học, dặn dò HS về nhà kể cho người thân nghe. Chuẩn bị bài sau: *Chân dung của em, của bạn* | - 2, 3 HS khá, giỏi kể lại.  - HS nêu theo ý thích của mình.  - HS nêu.  - HS lắng nghe. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 03**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN**

**ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tìm hiểu về số và phép tính trong phạm vi 100 000 ở các ứng dụng thực tế.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

1. **Năng lực đặc thù**

* Ôn tập tổng hợp các kiến thức về hình học và đo lường đã học từ lớp 3.

1. **Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: Trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: hình minh hoạ bài, bảng nhóm.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 2’ | **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp hát 1 bài.  - GV giới thiệu bài mới. | - Cả lớp hát và vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe. |
| 30’ | **2. Hoạt động luyện tập**   * Bài 1: Trò chơi “Đố bạn” BT 1 SGK   - Kể tên các hình đã học.  - Nêu cách tính chu vi hình vuông, hình chữ nhật.  - Nêu cách tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông.  - Kể tên các đơn vị đo dộ dài, khối lượng, dung tích, diện tích đã học.   * Bài 2: Gọi HS nêu YC bài.   - Yêu cầu HS làm bài, đổi chéo vở kiểm tra.   * Bài 3: Gọi HS nêu YC.   - GV hỏi:  + Muốn biết cần bao nhiêu màu để sơn các mặt của từng hình khối ta làm thế nào?  - GV yêu cầu HS làm bài nhóm 2, rồi chia sẻ.  - GV và HS nhận xét, chữa bài.   * Bài 4: Gọi HS nêu YC.   - GV yêu cầu HS làm bài, đổi chéo vở kiểm tra. | - HS lắng nghe, đọc YC trò chơi và thực hiện chơi theo nhóm 4.  - Hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình tứ giác.  + Hình vuông: Độ dài một cạnh nhân với 4.  + Hình chữ nhật: Chiều dài, cộng chiều rộng nhân với 2.  + HCN: chiều dài nhân chiều rộng.  + HV: Độ dài 1 cạnh nhân với chính nó.  - HS nêu YC bài.  - Làm bài theo YC.  - HS nêu YC bài.  - HS trả lời:  Ta đếm xem có bao nhiêu hình, từ đó tìm số màu tương ứng.  - HS nêu YC bài.  - HS làm bài theo YC. |
| 3’ | **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - YCHS đọc và chuẩn bị trước Bài 2 – Ôn tập về hình học và đo lường (tiết 2)  - NX tiết học. | - HS lắng nghe. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 01**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: GDTC**

**CHỦ ĐỀ 1: ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ**

**BÀI 1: ĐỘNG TÁC ĐI ĐỀU MỘT HÀNG DỌC VÒNG BÊN PHẢI (TIẾT 1)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Tự xem trước khẩu lệnh, cách thực hiện động tác đi đều một hàng dọc vòng bên phải trong sách giáo khoa.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thông qua các hoạt động nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua việc học tập tích cực, chủ động tiếp nhận kiến thức và tập luyện.

1. **Năng lực đặc thù**

* Giới thiệu chương trình môn GDTC lớp 4; Biên chế tổ tập luyện.
* Học động tác đi đều một hàng dọc vòng bên phải: HS biết khẩu lệnh và cách thức thực hiện động tác để thực hiện nhiệm vụ học tập.
* Năng lực chăm sóc sức khoẻ: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện. Biết điều chỉnh trang phục để thoải mái và tự tin khi vận động, biết điều chỉnh chế độ dinh dưỡng đảm bảo cho cơ thể.

1. **Phẩm chất**

* Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.
* Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.
* Tự giác, tích cực trong tập luyện; Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm và trung thực.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: Tranh ảnh động tác đi đều một hàng dọc vòng bên phải, trang phục thể thao, còi phục vụ trò chơi.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LV Đ** | | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **TG** | **SL** | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Hoạt động mở đầu**  **1. Nhận lớp**  **2. Khởi động**.  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  **3. Trò chơi. Làm ngược yêu cầu**  trò chơi bài 1  **II. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **1. Học động tác đi đều một hàng dọc vòng bên phải**  đi đều vòng bên phải bài 1  **2.Hoạt động luyện tập.**  **2.1.Tập đồng loạt**  - Tập động tác theo nhịp đếm chậm và động tác mẫu của GV  - Tập theo nhịp hô đếm nhanh, chậm của GV.  **2.2.Tập theo tổ nhóm.**  **luyện tập theo nhóm bài 1luyện tập theo cặp bài 1**  **2.3.Tập cá nhân**  **3.Trò chơi** “Vòng tròn vui nhộn”  TRÒ CHƠI KẾT THÚC BÀI 1  **III. Vận dụng**  - Thả lỏng cơ toàn thân.  - Củng cố hệ thống bài học.  - Nhận xét và hướng dẫn tập luyện ở nhà.  - Xuống lớp. | 5-7’  20-22’  4-6’ | 1-2L  1-2L  1-2L  1-2L  1-2L  1-2L  1L | - Nghe cán bộ lớp báo cáo.  - Hỏi về sức khỏe của Hs.  - Cô trò chúc nhau.  - Phổ biến nội dung, nhiệm vụ và yêu cầu giờ học.  - GV di chuyển và quan sát, chỉ dẫn cho HS thực hiện.  - Gv tổ chức Hs chơi trò chơi.  - Cho HS quan sát tranh  - GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  - Hô nhịp và thực hiện động tác mẫu, hướng dẫn Hs thực hiện đt.  - Gv quan sát, uốn nắm và sửa sai cho Hs.  - Gv hô nhịp 1 lần và giao cán sự lớp hô.  - Hs tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho Hs.  - Yêu cầu Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - Gv quan sát, uốn nắn, sửa sai cho Hs.  - luyện tập theo khu vực.  - Gv quan sát, uốn nắn, sửa sai cho Hs.  - GV nêu tên trò chơi, phổ biến luật chơi, cách chơi.  - Cùng hs nhắc lại luật chơi và cách chơi.  - Cho Hs chơi thử.  - Tổ chức cho Hs chơi.  - GV hướng dẫn.  - Gv cùng hs hệ thống lại bài (đưa câu hỏi).  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của Hs.  - HD sử dụng SGK để Hs ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. | - Cán sư tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp học cho Gv.    GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  -Cán sự điều khiển lớp khởi động .  - Hs chơi đúng luật, nhiệt tình sôi nổi và đảm bảo an toàn.  trò chơi bài 1  - Hs lắng nghe, tiếp thu và ghi nhớ.  - Tập luyện theo sự hướng dẫn của Gv.    đi đều vòng bên phải bài 1  - Hs tiến hành tập luyện theo sự hướng dẫn của Gv và cán sự lớp.  - Hs thay phiên nhau hô nhịp.  luyện tập theo nhóm bài 1    luyện tập cá nhân bài 1  Hs nhắc lại luật chơi, cách chơi.  - Hs tiến hành chơi trò chơi dưới sự chỉ huy của Gv.  - Chơi trò đúng luật, nhiệt tình, sôi nổi và an toàn.  - HS thực hiện thả lỏng  - Hs cùng Gv hệ thống lại bài (HS quan sát SGK (tranh) trả lời)  GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  - HS tập chung thực hiện theo hướng dẫn của GV và nhận hướng dẫn tập luyện ở nhà. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 02**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**CHỦ ĐỀ 1: TRƯỜNG EM XANH, SẠCH, ĐẸP**

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỂ:**

**GIỮ GÌN TRƯỜNG EM XANH, SẠCH, ĐẸP**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

1. **Năng lực đặc thù**

* Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh trường, lớp.

1. **Phẩm chất**

* Chăm chỉ, trách nhiệm: Có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong việc khảo sát và đánh giá thực trạng, có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: giấy, bút màu, phiếu khảo sát theo mẫu.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Khởi động**  - GV mở cho học sinh nghe một video bài hát *Em yêu cây xanh* về chủ đề môi trường: <https://youtu.be/jba78WGEdOg>  - GV đặt câu hỏi: *Bài hát đã gửi tới các em thông điệp gì?*  - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.  - GV nhận xét, chốt đáp án*: Bài hát thể hiện tình yêu của bạn nhỏ đối với môi trường thiên nhiên từ đó lan tỏa tình tình yêu và ý thức bảo vệ cây xanh đến mọi người*  - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: *Bài hát mở đầu cho bài học đầu tiên trong năm học mới của chúng ta. Chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé –* ***Tuần 1 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Giữ gìn trường em xanh, sạch, đẹp*** | - HS quan sát video và lắng nghe ca khúc về chủ đề môi trường.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS lắng nghe GV giới thiệu bài học. |
| 14’  13’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**   * ***Hoạt động 1: Khảo sát thực trạng cảnh quang trường học***   - GV nhắc nhở HS chuẩn bị giấy, bút, bút màu để phục vụ cho hoạt động.  - GV trình chiếu phiếu khảo sát SGK tr.6:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU KHẢO SÁT** | | | | **Tên nhóm:** | | | | **Địa điểm** | **Mô tả thực trạng cảnh quan** | **Nguyên nhân** | | **Khu vực hành lang lớp học.** | - Quét dọn sạch sẽ.  - Chậu cây được cắt tỉa gọn gàng. | ... | | **...** | ... | ... |   - GV chia lớp thành nhóm 4 - 6 HS, phân công các nhóm trưởng.  - GV cho HS chia sẻ về những khu vực cần khảo sát trong trường.  - GV mời đại diện các nhóm phát biểu ý kiến trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung ý kiến cho nhau (nếu có).  - GV tổng hợp lại các ý kiến phù hợp của HS:  *+ Khu vực cổng trường.*  *+ Khu vực hành lang lớp học.*  *+ Khu vực các bồn cây trong sân trường.*  *+ Khu vực phòng vệ sinh.*  *+ Khu vườn trường...*  - GV phân chia khu vực cho từng nhóm khảo sát và hướng dẫn HS ghi lại kết quả vào Phiếu khảo sát đã chuẩn bị.  - GV phát phiếu rời cho các nhóm hoặc hướng dẫn các nhóm viết vào Phiếu khảo sát trong *Vở thực hành Hoạt động trải nghiệm 4.*  - GV nhắc nhở các nhóm chú ý đảm bảo an toàn trong quá trình khảo sát.  - GV kết luận***: khen ngợi các nhóm có tinh thần hợp tác, đã hoàn thành tốt nhiệm vụ khảo sát thực trạng cảnh quan trường học***.   * ***Hoạt động 2: Đánh giá thực trạng khảo sát***   - GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả khảo sát trước lớp theo các câu hỏi gợi ý:  *+ Em có nhận xét gì về thực trạng cảnh quan khu vực nhóm mình khảo sát?*  *+ Nguyên nhân nào dẫn đến thực trạng cảnh quan như vậy*  *+ Theo em, cần làm gì để cải thiện thực trạng cảnh quan khu vực nhóm em khảo sát?*    - GV mời 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, đóng góp, bổ sung ý kiến.  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi tương tác với nhóm báo cáo.  - GV tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận: *Mỗi ngôi trường đều có cách xây dựng, bố trí, sắp xếp các khu vực khác nhau. Khảo sát thực trạng cảnh quan nhà trường, tìm hiểu nguyên nhân sẽ thuận lợi cho việc lập kế hoạch và thực hiện giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp.* | - HS chuẩn bị dụng cụ học tập.  - HS quan sát.  - HS trở về với nhóm theo phân công của GV.  - HS suy nghĩ và nêu ra khu vực cần khảo sát trong trường.  - HS trình bày trước lớp và lắng nghe ý kiến của các bạn.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe và thực hiện việc điền phiếu theo hướng dẫn của GV.  - Các nhóm tiến hành khảo sát và hoàn thành phiếu theo yêu cầu của GV.  - HS chú ý an toàn trong quá trình tham gia hoạt động.  - HS hoàn thành hoạt động và lắng nghe nhận xét của GV.  - Các nhóm tổng hợp lại kết quả, hoàn thiện Phiếu khảo sát.  - HS trình bày kết quả khảo sát trước lớp.  - HS các nhóm tương tác để hoạt động thêm hiệu quả.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |
| 3’ | **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.    - GV nhắc nhở HS:  + Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.  + Trò chuyện với người thân về những khảo sát và đánh giá của nhóm em hoặc của các nhóm khác trong lớp về thực trạng cảnh quan của trường học. | - HS lắng nghe.  - HS vỗ tay tuyên dương những bạn làm tốt và động viên những bạn còn nhút nhát.  - HS lắng nghe. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 02**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: KHOA HỌC**

**BÀI 1: TÍNH CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA NƯỚC (tiết 2)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học, biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia tích cực vào các trò chơi, hoạt động khám phá kiến thức.

1. **Năng lực đặc thù**

* Quan sát và làm thí nghiệm để phát hiện được một số tính chất của nước.
* Vận dụng được tính chất của nước trong một số trường hợp đơn giản.
* Nêu được và liên hệ thực tế ở gia đình, địa phương về ứng dụng một số tính chất của nước, vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt.

1. **Phẩm chất**

* Nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
* Chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập.
* Trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: tranh ảnh liên quan đến chủ đề, đồ dùng thí nghiệm theo nhóm và theo yêu cầu của mỗi thí nghiệm trong SGK.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 3’ | **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp hát một bài hát.  - GV tuyên dương và giới thiệu bài mới: ***Bài 1 - Tính chất và vai trò của nước*** | - Cả lớp hát.  - HS theo dõi, ghi bài mới. |
| 15’ | **2. Hình thành kiến thức mới**   * ***Hoạt động 1: Tìm hiểu vai trò của nước***   ***Tìm hiểu về màu, mùi và vị của nước***  - GV tổ chức HS hoạt động theo nhóm bốn.  - GV yêu cầu HS quan sát các hình 11 – 18 SGK ở tr8, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi:  + Nước có vai trò như thế nào đối với sự sống của con người, động vật, thực vật?  + Vai trò của nước trong sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp là gì?  - GV gọi đại diện nhóm trình bày vai trò của nước trước lớp, các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, tuyên dương các nhóm có câu trả lời chính xác, chốt lại màu, mùi vị của nước.  - GV yêu cầu một HS đọc to nội dung logo “Em có biết” ở trang 8 SGK.  *“Nước chiếm phần lớn cơ thể sinh vật. Nếu mất khoảng* 15 *lượng nước trong cơ thể thì sinh vật sẽ chết."*  - GV nhắc lại nội dung và yêu cầu HS ghi nhớ. | - HS chia theo nhóm.  - Các nhóm thực hiện yêu cầu.  - Đại diện các nhóm xung phong trình bày:  *+ Nước cần cho sự sống của con người, động vật, thực vật.*  *+ Nước đóng vai trò quan trọng trong đời sống, sinh hoạt, sản xuất,... như: đánh răng, rửa mặt, rửa thực phẩm, bơi lội,....*    - HS thực hiện theo yêu cầu.    - HS chú ý lắng nghe, ghi nhớ. |
| 15’ | **3. Hoạt động luyện tập, thực hành**  ***Liên hệ thực tế vai trò của nước trong đời sống, sinh hoạt và sản xuất***  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm sáu thực hiện nhiệm vụ trong logo luyện tập, vận dụng trang 8 SGK.  *“Kể thêm vai trò của nước trong đời sống, sinh hoạt và sản xuất mà em biết.”*  - Các nhóm thảo luận, xác định câu trả lời.  - GV gọi đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi trước lớp, HS nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, chính xác hóa câu trả lời.  - GV gọi hai HS đọc nội dụng kiến thức cốt lõi ở trang 8 SGK.  *“Nước cần cho sự sống của sinh vật. Nước có vai trò quan trọng trong đời sống, sinh hoạt và sản xuất của con người.”* | - HS hoạt động theo nhóm sáu.  - Các nhóm thực hiện theo yêu cầu.  - Đại diện các nhóm xung phong trả lời:  *+ Nước dùng để làm mát, vệ sinh hệ thống máy móc, thiết bị tại nhà, xưởng, kho bãi,...*  *+ Nước là nguyên liệu để vận hành lò hơi trong công nghiệp.*  *+ Nước là nguồn năng lượng để làm điện.*  - HS lắng nghe, sửa bài.  - HS thực hiện theo yêu cầu.  - HS chú ý lắng nghe, ghi nhớ. |
| 2’ | **4. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Đọc và chuẩn bị trước **Bài 2 – Sự chuyển thể của nước.** | - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Ngày dạy: 12/9/2024**

**Tiết: 05**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐỀ: MĂNG NON**

**BÀI 1: CHÂN DUNG CỦA EM**

**ĐỌC: CÁI RĂNG KHỂNH**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

1. **Năng lực đặc thù**

* Năng lực ngôn ngữ:
* Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ học sinh dễ viết sai.
* Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa. Tốc độ đọc 75 - 80 tiếng/phút.
* Đọc thầm nhanh hơn ở lớp 3.
* Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài.
* Hiểu được đặc điểm của nhân vật và ý nghĩa của câu chuyện (khuyên mọi người nên tự hào, yêu quý những gì thuộc về bản thân mình; khuyên HS tôn trọng bạn, không trêu đùa bạn về đặc diêm khác biệt).
* Thể hiện được giọng đọc diễn cảm phù hợp với người dẫn chuyện và các nhân vật trong câu chuyện.
* Năng lực văn học:
* Cảm nhận được những băn khoăn đáng yêu của nhân vật cậu bé trong câu chuyện.

1. **Phẩm chất**

* Yêu nước: Có tình yêu thiên nhiên, đất nước.
* Nhân ái: Tình yêu thương dành cho mẹ.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: máy tính, máy chiếu, giấy A4.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 3’ | **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp hát 1 bài.  - GV giới thiệu bài mới:  Mở đầu chủ điểm “Chân dung của em”, các em đã học bài “Tuổi Ngựa”. Hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục học về chủ điểm này với bài đọc “Cái răng khểnh”, bài đọc trích trong tác phẩm “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” của nhà văn Nguyễn Ngọc Thuần. Tác phẩm từng đoạt giải A cuộc thi sáng tác văn học thiếu nhi năm 2020 do Nhà xuất bản Trẻ và Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức và giải thưởng Peter Pan 2008 của Ủy ban Quốc tế về Sách thiếu nhi tại Thụy Điển. Hãy cùng tìm hiểu xem câu chuyện kể về ai, bí mật của nhân vật đó là gì và nhân vật trong câu chuyện có gì đáng yêu nhé!  - GV ghi tên bài học: Bài đọc 2 – Cái răng khểnh. | - Cả lớp hát và vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe. |
| 20’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức**   * ***Hoạt động 1: Đọc thành tiếng***   - GV đọc mẫu, kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác.  - GV lưu ý cho HS các từ ngữ dễ đọc sai do ảnh hưởng tiếng địa phương trong từng đoạn: răng khểnh, đơn giản, sẽ.  - GV tổ chức cho HS luyện đọc từng đoạn câu chuyện:  + Đoạn 1: Từ đầu đến “tôi ít khi cười”.  + Đoạn 2: Từ “Một hôm, bố tôi hỏi” đến “những người xung quanh mình”.  + Đoạn 3: Từ “Một hôm, tôi thuật lại câu nói” đến “cùng giữ chung một bí mật”.  + Đoạn 4: Từ “Tôi đã kể” đến hết.  - GV lưu ý HS:  + Về cách ngắt nghỉ hơi ở một số câu dài.  VD: Hãy quan sát đi/ rồi con sẽ thấy/ rất nhiều điều bí mật/ về những người xung quanh mình.  + Về cách đọc lời đối thoại giữa các nhân vật: thể hiện sự trao – đáp giữa các nhân vật; lên giọng cuối câu hỏi, câu khiến và câu cảm, xuống giọng cuối câu kể.  - GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc toàn bài trước lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS.  - GV mời 1 HS đọc to, rõ nghĩa các từ: rạng rỡ, giùm.  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu thêm nghĩa của từ ngữ khác (nếu cần).   * ***Hoạt động 2: Đọc hiểu***   - GV gọi HS đọc nối tiếp 5 câu hỏi trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, trả lời câu hỏi.  *+ Tại sao bạn nhỏ trong câu chuyện không thích cái răng khểnh?*  *+ Việc trêu chọc bạn có gì đáng trách?*  *+ Khi nghe bạn nhỏ giải thích, người bố đã nói gì?*  *+ Em có suy nghĩ gì về điều người bố nói?*  *+ Vì sao bạn nhỏ kể cho cô giáo nghe bí mật của mình?*  - Mời HS trình bày, báo cáo kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm.  - Em nghĩ như thế nào về “nét riêng” ( hình dáng, giọng nói, cách ăn mặc…) của mỗi người?  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Qua bài đọc, em hiểu nội dung bài nói về điều gì?*  - GV nhận xét.  - Yêu cầu HS nêu lại câu trả lời.   * ***Hoạt động 3: Đọc diễn cảm***   - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm đoạn 1, 2 với giọng đọc nhẹ nhàng, truyền cảm thể hiện lời thoại của nhân vật.  - Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm.  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm.  - GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS. | - HS nghe và đọc thầm theo.  - HS lắng nghe.      - HS luyện đọc.            - HS lắng nghe.            - HS đọc bài.  - HS đọc giải nghĩa các từ trong SGK tr.10.  - HS cùng GV giải nghĩa một số từ khó.  - HS đọc.  - HS thảo luận nhóm đôi.  + *Vì bạn nhỏ có một chiếc răng khểnh và bị bạn bè trêu là do không chịu đánh răng. Bạn nhỏ nghĩ cái răng khênh làm cho bạn xấu đi.*  + HS trả lời.  *+ Bố bạn nhỏ nói cái răng khểnh chính là nét riêng của bạn, làm cho nụ cười của bạn khác các bạn khác. Đó là điều đáng tự hào.*  + Lời động viên cùa bố giúp bạn nhỏ hiểu ra và tự hào về điểm riêng của mình, không còn mặc cảm, xấu hổ vì điều đó nữa.  *+ Vì bạn nhò tin tưởng vào cô giáo và thích thú khi nghe cô giải thích “Khi em kể điều bí mật cho một người biết giữ nó thì bí mật vẫn còn" và khi đó “có hai người cùng giữ chung một bí mật”.*  - Đại diện nhóm trình bày.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  - Khuyên mỗi người nên tự hào, yêu quý những gì thuộc về bàn thân minh; khuyên HS tôn trọng bạn, không trêu đùa bạn về đặc điểm khác biệt.  - HS lắng nghe.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - HS thi cá nhân, lớp lắng nghe, chia sẻ.  - HS lắng nghe. |
| 2’ | **4. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV nêu câu hỏi:  *+ Em thích nhất chi tiết nào trong bài? Vì sao?*  *+ Em hãy nêu nội dung bài học?*  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  - Dặn dò học sinh chuẩn bị bài sau: Vệt phấn trên mặt bàn. | - HS trình bày suy nghĩ của mình trước lớp. Lớp lắng nghe, chia sẻ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 04**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN**

**ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (tt)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tìm hiểu về số và phép tính trong phạm vi 100 000 ở các ứng dụng thực tế.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

1. **Năng lực đặc thù**

* Ôn tập tổng hợp các kiến thức về hình học và đo lường đã học từ lớp 3.

1. **Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: Trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: hình minh hoạ bài, bảng nhóm.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 2’ | **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp hát 1 bài.  - GV giới thiệu bài mới. | - Cả lớp hát và vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe. |
| 30’ | **2. Hoạt động luyện tập**   * Bài 5: Gọi HS nêu YC bài.   - Yêu cầu HS làm bài, đổi chéo vở kiểm tra.   * Bài 6: Gọi HS nêu YC bài.   - Muốn biết mỗi bể chứa bao nhiêu lít nước thải ta làm thế nào?  - Yêu cầu HS làm bài nhóm đôi rồi chia sẻ.  - GV và HS nhận xét, chữa bài.   * Bài 7: Gọi HS nêu YC.   - GV yêu cầu HS làm bài nhóm 4. Sau đó đại diện nhóm trình bày. | - HS nêu YC bài.  - Làm bài theo YC.  - HS nêu YC bài.  - HS trả lời: Ta lấy 36 000 l : 4  - HS làm bài. (Đáp án C. 9 0000 l)  - HS nêu YC bài.  - HS làm bài theo YC. |
| 3’ | **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - YCHS đọc và chuẩn bị trước Bài 3. Ôn tập về một số yếu tố thống kê và xác suất.  - NX tiết học. | - HS lắng nghe. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 06**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐỀ: MĂNG NON**

**BÀI 1: CHÂN DUNG CỦA EM**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: DANH TỪ**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Trả lời đúng các câu hỏi.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thông qua HĐ nhóm.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua việc giải các BT ở phần Nhận xét và Luyện tập.

1. **Năng lực đặc thù**

* Hiểu khái niệm danh từ, ý nghĩa của danh từ.
* Nhận biết được các danh từ trong câu, trong đoạn.
* Sử dụng được danh từ trong nói và viết.

1. **Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ (thông qua HĐ chuẩn bị bài, giải BT ở nhà).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: máy tính, máy chiếu, giấy A4.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 3’ | **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp hát 1 bài.  - GV giới thiệu bài mới: Ở lớp 2, lớp 3 các em đã được tìm hiểu về các từ chỉ sự vật, những từ có thể trả lời câu hỏi Ai?, Cái gì?, Con gì?. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu kĩ hơn về những từ này.  - GV ghi tên bài học: Luyện từ và câu – Danh từ | - Cả lớp hát và vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe. |
| 20’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức:**   * ***Hoạt động 1: Nhận xét***   **Bài tập 1:**Tìm các từ chỉ sự vật trong những câu đã cho.  - GV cho HS đọc yêu cầu của BT1, hoạt động nhóm và thực hiện BT1: Tìm các từ chỉ sự vật trong những câu đã cho.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS báo cáo kết quả. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  Từ chỉ sự vật trong câu:  a. mẹ, Hồng, cửa nhà.  b. chích bông, sâu, mối, mùa màng, cây cối.  c. (cơn) mưa, mùa vụ, cánh đồng.  **Bài tập 2:** Xếp các từ vào nhóm thích hợp (BT2)  - GV cho HS đọc yêu cầu của BT2, hoạt động nhóm và thực hiện BT2: Xếp các từ tìm được ở BT1 vào nhóm thích hợp:  *\* Lưu ý*: HS vận dụng kiến thức về từ chỉ sự vật ở lớp 2 để xếp các từ.  - GV nêu lại cách phân biệt để học sinh xếp từ:  + Sự phân loại các từ chỉ sự vật thành từ chỉ người, từ chỉ vật, từ chỉ con vật, từ chỉ thời gian là một sự phân loại ngôn ngữ học, dựa trên khả năng trả lời các câu hỏi (Ai?, Cái gì?, Cây gì?, Con gì?, Bao giờ?,...), cho nên không trùng khít với sự phân loại logic. Nhiều ngôn ngữ sử dụng câu Ai? để hỏi về con vật. Về khả năng đặt câu, chỉ có người và động vật mới được miêu tả bằng động từ chỉ hoạt động; còn tĩnh vật (đồ vật, cây cối) chỉ được miêu tả bằng động từ chỉ hoạt động khi sự vật được nhân hoá.  - Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi:  - Yêu cầu các cặp chia sẻ kết quả thảo luận của mình.  − GV chốt đáp án đúng:  + Từ chỉ người: mẹ, Hồng.  + Từ chỉ vật: cửa nhà, cánh đồng, cây cối. (Đối với cấp tiểu học, có thể chấp nhận cánh đồng là 1 từ.)  + Từ chỉ con vật: chích bông, sâu, mối.  + Từ chỉ thời gian: mùa màng, mùa vụ.  + Từ chỉ hiện tượng tự nhiên: (cơn) mưa. (HS có thể coi cơn mưa là 1 từ.)  - Gọi HS nhận xét bổ sung.   * ***Hoạt động 2: Rút ra bài học***   − GV tổ chức cho HS trình bày kiến thức cần ghi nhớ: Các từ chúng ta vừa tìm hiểu ở hai BT trên được gọi là danh từ.  Vậy ai có thể trả lời câu hỏi: Danh từ là gì?  − GV yêu cầu HS lấy thêm một số ví dụ về danh từ. | - HS đọc.  - HS hoạt động nhóm, thực hiện BT.  - HS báo cáo kết quả.    - HS chú ý lắng nghe.  - HS hoạt động nhóm, thực hiện BT.    - HS lắng nghe.  - HS thảo luận.  - Các nhóm chia sẻ.  - HS lắng nghe, chữa bài.  - HS nêu nội dung ghi nhớ.  - VD: học sinh, nhà trường, gà, vịt, Mặt Trăng,... |
| 10’ | **2. Hoạt động Luyện tập**  ***Bài 1: Tìm danh từ tromg đoạn văn sau:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài 1.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để tìm các danh từ có trong đoạn văn.  - Các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.  - GV chốt đáp án đúng: Các danh từ trong câu: khi, bạn, hoa, quả, (ngôi) sao, (ông) Mặt Trời, niềm vui, người, câu chuyện, cổ tích, (bác) gió, đêm ngày*.*  - GV hỏi: Vì sao Mặt Trời được viết hoa?  - GV chốt: Đây là trên riêng của các thiên thể vì vậy các thiên thể khác như: Mặt Trăng, Sao Kim… cũng được viết hoa.  ***Bài 2: Gọi HS đọc yêu cầu bài***  - GV yêu cầu HS làm cá nhân.  + GV nhận xét, tổng kết.  - Gọi HS khác nêu ý kiến, GV nhận xét.  VD:  a) Viết câu giới thiệu về bản thân hoặc về một người bạn: Nam là một học sinh giỏi và chăm chỉ. Cả lớp rất tự hào về Nam.  b) Chỉ ra các danh từ đã sử dụng trong câu: Nam, học sinh, lớp. | - HS đọc yêu cầu của BT1.  - HS thảo luận nhóm.  - HS đại diện nhóm chia sẻ, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung.  - Hs trả lời theo hiểu biết.  - HS đọc yêu cầu BT2.  - HS làm việc cá nhân, viết câu vào VBT. |
| 2’ | **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - Tổ chức chia sẻ lại kiến thức các em vừa học bằng trò chơi Ai nhanh? Ai đúng?  - Kể tên các danh từ có trong phòng học.  - GV nhận xét, đánh giá về tiết học.  - GV nhắc HS vận dụng kiến thức về danh từ vào việc viết văn bản. Chuẩn bị cho bài học sau: Dấu gạch ngang. | - HS chơi trò chơi.  - 3 HS đại diện các nhóm ghi lại các danh từ.  - Lắng nghe |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 01**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ**

**BÀI 1: LÀM QUEN VỚI PHƯƠNG TIỆN HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ (TIẾT 1)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Sưu tầm tư liệu, giới thiệu về một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm, trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

1. **Năng lực đặc thù**

* Kể được tên một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí.
* Biết sử dụng những phương tiện hỗ trợ vào việc học tập môn Lịch sử và Địa lí.

1. **Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.
* Yêu nước: Giữ gìn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia của dân tộc.

\* LG GD QPAN: Giới thiệu Bản đồ hành chính Việt Nam và khẳng định hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: Lược đồ trận Chi Lăng – Xương Giang (năm 1427), Bản đồ hành chính Việt Nam, Biểu đồ dân số Việt Nam qua các năm, hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh với thiếu nhi vùng cao Việt Bắc (năm 1960), hình ảnh một số hiện vật trưng bày tại Bào tàng Lịch sử Quốc gia.
* Học sinh: Tranh ảnh sưu tầm và dụng cụ học tập có liên quan đến nội dung bài học.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 3’ | **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp hát 1 bài.  - GV dẫn dắt vào bài mới: *Bài 1 - Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.* | - Cả lớp hát và vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe.  - HS nêu tên bài. |
| 27’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**   * ***Hoạt động 1: Bản đồ, lược đồ***   *Tìm hiểu về bản đồ, lược đồ và cách sử dụng*  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm (4 – 6 HS/nhóm), quan sát các hình 1, 2 (SHS tr.5, 6 ), đọc thông tin và thực hiện nhiệm vụ:  + *Quan sát lược đồ hình 1:*  *- Cho biết nội dung thể hiện trên lược đồ.*  *- Đọc bảng chú giải và nêu một số kí hiệu được sử dụng trong lược đồ.*  *- Kể tên các địa điểm nghĩa quân Lam Sơn tấn công quân Minh.*  *+ Quan sát bản đồ hình 2:*  *- Cho biết nội dung thể hiện trên bản đồ hình 2.*  *- Đọc bảng chú giải và nêu một số kí hiệu được sử dụng trong bản đồ. Đọc tên thủ đô và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Việt Nam.*  - GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung theo gợi ý.  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời.  *+ Lược đồ hình 1:*  *- Lược đồ nghĩa quân Lam Sơn tấn công quân Minh trong trận Chi Lăng – Xương Giang (năm 1427).*  *- Kí hiệu mũi tên màu đỏ: nghĩa quân Lam Sơn tấn công.*  *- Kí hiệu màu cam: nghĩa quân Lam Sơn mai phục.*  *- Kí hiệu màu đỏ có ba mũi tên hướng lên trên: nghĩa quân Lam Sơn phòng ngự.*  *- Kí hiệu màu đỏ úp vào nhau: nghĩa quân Lam Sơn bao vây.*  *- Kí hiệu dấu X màu đen: nơi quân Minh bị tiêu diệt.*  *- Kí hiệu mũi tên màu đen: quân Minh hành quân,...*  *+ Biều đồ hình 2:*  *- Thể hiện các đơn vị hành chính (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) của Việt Nam.*  *- Một số kí hiệu trên bản đồ gồm: kí hiệu hình ngôi sao màu đỏ là thủ đô; kí hiệu hai vòng tròn lồng vào nhau là thành phố trực thuộc Trung ương.....*  *- Thủ đô của Việt Nam là Hà Nội; các thành phố trực thuộc Trung ương gồm: Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ.*  - GV chỉ vào bản đồ hành chính Việt Nam và giới thiệu HS 2 quần đảo của Việt Nam đó là quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.  - GV tổng kết và hướng dẫn HS các bước cơ bản để sử dụng hiệu quả lược đồ, bản đồ:  *+ Đọc tên lược đồ, bản đồ để biết nội dung chính được thể hiện.*  *+ Đọc bảng chú giải để biết đối tượng được thể hiện trên lược đồ, bản đồ.*  *+ Dựa vào kí hiệu, màu sắc để tìm đối tượng lịch sử, địa lí trên lược đồ, bản đồ.* | - HS lắng nghe GV gợi ý.  - HS thảo luận nhóm.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung theo gợi ý.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |
| 5’ | **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - Chuẩn bị bài tiết sau. | - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 02**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**BÀI 1: ÔN ĐỘNG TÁC ĐI ĐỀU MỘT HÀNG DỌC VÒNG BÊN PHẢI**

**(TIẾT 2)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Tự xem trước khẩu lệnh, cách thực hiện động tác đi đều một hàng dọc vòng bên phải trong sách giáo khoa.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thông qua các hoạt động nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.
* NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua việc học tập tích cực, chủ động tiếp nhận kiến thức và tập luyện.

1. **Năng lực đặc thù**

* Ôn động tác đi đều một hàng dọc vòng bên phải. HS biết khẩu lệnh và cách thức thực hiện động tác để thực hiện nhiệm vụ học tập.
* Năng lực chăm sóc sức khoẻ: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện. Biết điều chỉnh trang phục để thoải mái và tự tin khi vận động, biết điều chỉnh chế độ dinh dưỡng đảm bảo cho cơ thể.

1. **Phẩm chất**

* Tự giác, tích cực trong tập luyện; Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm và trung thực.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: tranh ảnh động tác đi đều một hàng dọc vòng bên phải, trang phục thể thao, còi phục vụ trò chơi.
* Học sinh: giày thể thao,…

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LV Đ** | | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **TG** | **SL** | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Hoạt động mở đầu**  **1. Nhận lớp**  **2. Khởi động**.  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  **3. Trò chơi. Làm ngược yêu cầu**  trò chơi bài 1  **II. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **1. Học động tác đi đều một hàng dọc vòng bên phải**  đi đều vòng bên phải bài 1  **2.Hoạt động luyện tập.**  **2.1.Tập đồng loạt**  - Tập động tác theo nhịp đếm chậm và động tác mẫu của GV  - Tập theo nhịp hô đếm nhanh, chậm của GV.  **2.2.Tập theo tổ nhóm.**  **luyện tập theo nhóm bài 1luyện tập theo cặp bài 1**  **2.3.Tập cá nhân**  **3.Trò chơi** “vòng tròn vui nhộn”  TRÒ CHƠI KẾT THÚC BÀI 1  **III. Vận dụng**  - Thả lỏng cơ toàn thân.  - Củng cố hệ thống bài học.  - Nhận xét và hướng dẫn tập luyện ở nhà.  - Xuống lớp. | 5-7’  20-22’  4-6’ | 1-2L  1-2L  1-2L  1-2L  1-2L  1-2L  1L | - Nghe cán bộ lớp báo cáo.  - Hỏi về sức khỏe của Hs.  - Cô trò chúc nhau.  - Phổ biến nội dung, nhiệm vụ và yêu cầu giờ học.  - GV di chuyển và quan sát, chỉ dẫn cho HS thực hiện.  - Gv tổ chức Hs chơi trò chơi.  - Cho HS quan sát tranh  - GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  - Hô nhịp và thực hiện động tác mẫu, hướng dẫn Hs thực hiện đt.  - Gv quan sát, uốn nắm và sửa sai cho Hs.  - Gv hô nhịp 1 lần và giao cán sự lớp hô.  - Hs tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho Hs.  - Yêu cầu Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - Gv quan sát, uốn nắn, sửa sai cho Hs.  - luyện tập theo khu vực.  - Gv quan sát, uốn nắn, sửa sai cho Hs.  - GV nêu tên trò chơi, phổ biến luật chơi, cách chơi.  - Cùng hs nhắc lại luật chơi và cách chơi.  - Cho Hs chơi thử.  - Tổ chức cho Hs chơi.  - GV hướng dẫn.  - Gv cùng hs hệ thống lại bài (đưa câu hỏi).  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của Hs.  - HD sử dụng SGK để Hs ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. | - Cán sư tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp học cho Gv.    GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  -Cán sự điều khiển lớp khởi động .  - Hs chơi đúng luật, nhiệt tình sôi nổi và đảm bảo an toàn.  trò chơi bài 1  - Hs lắng nghe, tiếp thu và ghi nhớ.  - Tập luyện theo sự hướng dẫn của Gv.    đi đều vòng bên phải bài 1  - Hs tiến hành tập luyện theo sự hướng dẫn của Gv và cán sự lớp.  - Hs thay phiên nhau hô nhịp.  luyện tập theo nhóm bài 1    luyện tập cá nhân bài 1  Hs nhắc lại luật chơi, cách chơi.  - Hs tiến hành chơi trò chơi dưới sự chỉ huy của Gv.  - Chơi trò đúng luật, nhiệt tình, sôi nổi và an toàn.  - HS thực hiện thả lỏng  - Hs cùng Gv hệ thống lại bài (HS quan sát SGK (tranh) trả lời)  GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  - HS tập chung thực hiện theo hướng dẫn của GV và nhận hướng dẫn tập luyện ở nhà. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Ngày dạy: 13/9/2024**

**Tiết: 07**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐỀ: MĂNG NON**

**BÀI 1: CHÂN DUNG CỦA EM**

**VIẾT: LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN VỀ MỘT NHÂN VẬT**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với các bạn về việc tìm ý, sắp xếp ý cho đoạn văn.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được đặc điểm ngoại hình và tính cách nhân vật.

1. **Năng lực đặc thù**

* Năng lực ngôn ngữ:
* Tìm và sắp xếp ý cho đoạn văn viết về một nhân vật trong câu chuyện hoặc bài thơ đã học.
* Có kĩ năng sửa chữa và hoàn thiện dàn ý đoạn văn.
* Thể hiện được sự thông hiểu cũng như cảm xúc đối với nhân vật và nội dung câu chuyện (bài thơ).
* Năng lực văn học:
* Bước đầu cảm nhận được những đặc điểm đáng yêu của nhân vật quan ngôn ngữ nhân vật và các chi tiết miêu tả.
* Bày tỏ được sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp trong bài thơ.

1. **Phẩm chất**

* Bồi dường phẩm chất chăm chỉ và trách nhiệm thông qua việc giải các BT trong bài.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: bài giảng trình chiếu, máy tính, máy chiếu

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 3’ | **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp hát 1 bài.  - GV giới thiệu bài học: Ở bài viết 1, chúng ta đã tìm hiểu về cấu tạo đoạn văn viết về một nhân vật, xác định những việc cần làm để viết đoạn văn về một nhân vật. Ở bài học này, chúng ta sẽ học cách sắp xếp ý cho một đoạn văn như vậy. | - Cả lớp hát và vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe. |
| 12’  12’  7’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức**   * ***Hoạt động 1: Lựa chọn đề bài, tìm ý***   - GV yêu cầu học đọc đề bài trong SGK  GV hướng dẫn HS lựa chọn đề bài viết: Em chọn đề bài nào trong 3 đề bài trên?  Em sẽ viết những nội dung gì?   1. Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật bạn nhỏ trong bài thơ *Tuổi ngựa*. 2. Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật Hồng trong câu chuyện *Làm chị*. 3. Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật bạn nhỏ trong câu chuyện *Chiếc răng khểnh*.  * ***Hoạt động 2: Sắp xếp ý***   - GV hướng dẫn HS cách sắp xếp ý theo cấu tạo của đoạn văn viết về nhân vật đã học ở các tiết trước:  + Em viết về nhân vật nào?  + Em sẽ viết gì?   1. Nêu cảm nghĩ chung về nhân vật em chọn 2. Nêu các đặc điểm ngoại hình 3. Nêu các đặc điểm về tính cách   - GV theo dõi, hỗ trợ HĐ sắp xếp ý của HS.   * ***Hoạt động 3: Giới thiệu, chỉnh sửa kết quả tìm ý và sắp xếp ý***   - GV mời một vài HS đọc kết quả tìm ý và sắp xếp ý của mình.  - GV nhận xét về bài làm của HS. | - HS đọc.  - HS lắng nghe.  - HS chọn 1 trong 3 nội dung.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  - HS nêu cảm nghĩ, cảm nhận của mình.  - HS nêu đặc điểm ngoại hình của nhân vật mình thích.  - HS nêu đặc điểm về tính cách của nhân vật đó.  - HS sắp xếp ý cho đoạn văn của mình.  - HS theo dõi, nhận xét, bổ sung.  - HS hoàn chỉnh kết quả dựa trên góp ý của GV. |
| 2’ | **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV mời HS tự nhận xét về tiết học, về những việc đã làm được của mình và các bạn.  - GV tổng hợp ý kiến và nhận xét về tinh thần học tập, ưu điểm, nhược điểm cũ HS trong tiết học.  – GV giao nhiệm vụ chuẩn bị cho bài học sau; Luyện tập viết đoạn văn về một nhân vật | - HS tự nhận xét.  - HS lắng nghe. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 05**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN**

**ÔN TẬP VỀ MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

1. **Năng lực đặc thù**

* Ôn tập về một số kiến thức về thống kê và xác suất đã học từ lớp 3: Biểu đồ tranh, biểu đồ thống kê số liệu; nhận biết khả năng xảy ra của một sự kiện.

1. **Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: Trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: mô hình vòng quay.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 2’ | **1. Khởi động**  - GV tổ chức cả lớp chơi trò chơi “Bắn tên”:  + GV yêu cầu HS kể tên các đơn vị đo độ dài, khối lượng, dung tích, diện tích hình vuông và HCN.  + GV nhận xét, tuyên dương.  - GV giới thiệu bài. | - Cả lớp chơi trò chơi.  - HS lắng nghe. |
| 30’ | **2. Hoạt động Luyện tập**   * ***Bài 1***   - GV gọi HS nêu YC bài.  - Yêu cầu HS làm bài, đổi chéo vở kiểm tra.  a) Cửa hàng bán được những loại cây nào?  b) Cửa hàng bán được bao nhiêu cây xương rồng?  c) Loại cây nào bán được nhiều nhất?  d) Cửa hàng bán được số cây hoa nhài gấp mấy lần số cây hoa ly?  - GV và HS nhận xét, chữa bài   * ***Bài 2:***   - GV gọi HS nêu YC.  - Yêu cầu HS làm bài nhóm 2, rồi chia sẻ.  - GV và HS nhận xét, chữa bài.   * ***Bài 3:***   - GV gọi HS nêu YC.  - Yêu cầu HS làm bài, đổi chéo vở kiểm tra.  - GV nhận xét, chữa bài. | - HS nêu yêu cầu bài.  - HS tiến hành làm bài theo yêu cầu.  a) Cửa hàng bán được hoa ly, hoa hồng, hoa giấy, cây xương rồng, hoa nhài.  b) Cửa hàng bán được 3 cây xương rồng.  c) Cây hoa hồng bán được nhiều nhất 5 cây.  d) Gấp 2 lần (hoa ly bán được 2 cây, hoa nhài bán được 4 cây, lấy 4 : 2 = 2 cây)  - HS làm bài.  a) Thứ Hai có 16 học sinh đi xe buýt đến trường.  - Thứ Tư có nhiều HS đi xe nhất, Thứ Sáu có ít HS đi xe nhất.  b)  - Thứ Ba có bao nhiêu học sinh đi xe buýt đến trường?  - Số học sinh đi xe buýt ngày thứ Tư nhiều hơn ngày thứ Sáu bao nhiêu học sinh?...  - HS lắng nghe.  - HS nêu yêu cầu bài.  - Làm bài theo yêu cầu.  - HS lắng nghe. |
| 3’ | **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - YCHS đọc và chuẩn bị trước Bài 4. Các số trong phạm vi 1 000 000 | - HS lắng nghe. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 02**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ**

**BÀI 1: LÀM QUEN VỚI PHƯƠNG TIỆN HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ (TIẾT 2)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Sưu tầm tư liệu, giới thiệu về một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

1. **Năng lực đặc thù**

* Kể được tên một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí.
* Biết sử dụng những phương tiện hỗ trợ vào việc học tập môn Lịch sử và Địa lí.

1. **Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Yêu nước: Giữ gìn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia của dân tộc.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: Lược đồ trận Chi Lăng – Xương Giang (năm 1427), Bản đồ hành chính Việt Nam, Biểu đồ dân số Việt Nam qua các năm, hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh với thiếu nhi vùng cao Việt Bắc (năm 1960), hình ảnh một số hiện vật trưng bày tại Bào tàng Lịch sử Quốc gia; tranh ảnh sưu tầm.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 3’ | **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp hát 1 bài.  - GV giới thiệu bài mới: *Bài 1 – Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.* | - Cả lớp hát và vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe. |
| 15’  14’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**   * ***Hoạt động 1: Tìm hiểu biểu đồ và cách sử dụng***   - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, quan sát hình 3 và đọc thông tin, hoàn thành nhiệm vụ học tập.  *+ Kể tên các loại biểu đồ thường được sử dụng.*  *+ Cho biết biểu đồ hình 3 thể hiện nội dung gì. Nêu tên trục dọc, trục ngang của biểu đồ và đơn vị của mỗi trục.*  *+ So sánh độ cao của các cột và nhận xét sự thay đổi số dân Việt Nam qua các năm.*  - GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung theo gợi ý.  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra đáp án:  *+ Các loại biểu đồ thường được sử dụng là biểu đồ cột, tròn, đường,....*  *+ Hình 3 là biểu đồ cột, thể hiện số dân Việt Nam qua các năm. Trục dọc thể hiện số dân, đơn vị là triệu người; trục ngang thể hiện thời gian, đơn vị là năm.*  *+ Độ cao của các cột tăng dần từ trái qua phải, thể hiện dân số Việt Nam liên tục tăng từ năm 1979 đến năm 2019.*  - GV tổng kết và hướng dẫn HS các bước cơ bản để sử dụng hiệu quả biểu đồ:  *+ Đọc tên biểu đồ để biết nội dung thể hiện.*  *+ Quan sát biểu đồ để xác định các đối tượng cụ thể trên biểu đồ.*   * ***Hoạt động 2: Sử dụng tranh ảnh, hiện vật trong học tập môn Lịch sử và Địa lí***   - GV chia HS thành 4 nhóm.  - GV hướng dẫn HS đọc mục 3 và mục 4 trong SHS tr.8, 9 và thực hiện các nhiệm vụ dưới đây theo nhóm.  *Quan sát hình 4 và thực hiện các bước: đọc tên ảnh để xác định nội dung khái quát, đặt các câu hỏi để tìm hiểu ảnh, nhận xét nội dung được phản ánh trong ảnh.*  *Quan sát hình 6 và thực hiện các bước: đọc tên của hiện vật, đặt các câu hỏi để tìm hiểu hiện vật, nêu nhận xét về nhóm cư dân đã tạo ra hiện vật.*  - GV mời các nhóm đại diện trình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung theo gợi ý.  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra đáp án  *-Tên bức ảnh là “Chủ tịch Hồ Chí Minh với thiếu nhi vùng cao Việt Bắc (năm 1960)”.*  *- Một số câu hỏi gợi ý: (Những) Ai có mặt trong bức ảnh? Bức ảnh được chụp ở đâu? Vào thời gian nào? (Những) Người có mặt trong ảnh thể hiện cảm xúc/thái độ như thế nào?... Nhận xét về nội dung được thể hiện trong bức ảnh: sự vui vẻ, cởi mở giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với các cháu thiếu nhi.*  *- Tên hiện vật là “Trống đồng Ngọc Lũ”.*  *- Một số câu hỏi gợi ý: Trống đồng Ngọc Lũ được tạo ra nhằm mục đích gì? Nhóm cư dân nào đã tạo ra trống đồng Ngọc Lũ? Trống đồng Ngọc Lũ được tạo ra vào khoảng thời gian nào? Ở đâu? Tại sao? Nhận xét về nhóm dân cư đã tạo ra trống đồng: cư dân Đông Sơn đã đạt đỉnh cao của nghệ thuật đúc đồng.*  - GV nhận xét, tổng kết: *tranh ảnh, hiện vật là những phương tiện học tập quan trọng để tìm hiểu về sự kiện, nhân vật lịch sử, sự vật, hiện tượng địa lí cụ thể*. | - HS đọc thông tin và lắng nghe GV nêu nhiệm vụ.  - HS trả lời nhiệm vụ.  - HS thảo luận nhóm.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS thảo luận nhóm, thực hiện nhiệm vụ được giao.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận; các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - HS lắng nghe, tiếp thu. |
| 3’ | **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.*  - Chuẩn bị bài tiết sau. | - HS lắng nghe. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 03**

**KẾ HOẠCH SINH HOẠT CHỦ NHIỆM**

**CHỦ ĐỀ 1: TRƯỜNG EM XANH, SẠCH, ĐẸP**

**TUẦN 1: TUYÊN TRUYỀN PHONG TRÀO**

**TRƯỜNG EM XANH, SẠCH, ĐẸP**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

1. **Năng lực đặc thù**

* HS biết thực hiện tốt các nề nếp.
* Biết được ưu khuyết điểm của cá nhân và tổ.
* Biết nhận khuyết điểm và sửa lỗi.
* Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh trường, lớp.

1. **Phẩm chất**

* Trách nhiệm:

+ Có ý thức tuân thủ nội quy của trường, lớp, môn học, tích cực tham gia các hoạt động tập thể.

+ Nắm được ưu điểm và nhược điểm, biết tự đánh giá quá trình học tập, hành vi đạo đức đối với cá nhân, tập thể lớp ở các mặt: Học tập, nề nếp, vệ sinh.

+ Biết đưa ra được nhiệm vụ và biện pháp để thực hiện kế hoạch của tuần 2.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: Bảng tổng kết và phương hướng tuần tới.
* Học sinh: Báo cáo sơ kết tuần 1 của ban cán sự lớp.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 2’  16’ | **1. Khởi động**  - GV cho HS hát 1 bài hát.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động 1. Tổng kết hoạt động tuần 1 và phương hướng hoạt động tuần 2**   1. ***Sơ kết tuần 1***   - GV mời lớp trưởng điều khiển lớp sơ kết các mặt thi đua trong tuần 1:  + *Chuyên cần:* Đi học đầy đủ, vắng, đi học trễ; nói chuyện nhiều trong giờ học; phát biểu nhiều trong giờ học…  + *Kỉ luật, nề nếp:* Giữ trật tự trong giờ học; làm việc riêng trong giờ học; ra khỏi chỗ trong giờ học…  + *Học tập:* Hoàn thành tốt các bài tập trên lớp và luyện tập tại nhà; biết đặt các câu hỏi liên quan đến bài học; biết trao đổi, thảo luận, làm việc cá nhân, nhóm, tổ, lớp.  + *Vệ sinh:* Giữ vệ sinh cá nhân, tại chỗ ngồi, ở lớp, trường học; biết nhặt rác đúng nơi quy định; không vẽ bậy lên bàn học, tường.  + *Các phong trào do trường tổ chức:* Tích cực tham gia các hoạt động, phong trào do trường tổ chức.  - GV kết luận, nhận xét đánh giá kết quả đạt được trong tuần 1; tuyên dương tổ, cá nhân xuất sắc.    - GV mời HS chưa thực hiện tốt nhận lỗi và đưa ra biện pháp khắc phục, đồng thời GV nhắc nhở các em thực hiện tốt.  - GV nhận xét lớp, tuyên dương, khen thưởng các bạn đạt được điểm cao nhất tuần, nhắc nhở, động viên các bạn chưa tốt, hoàn thiện về các mặt.   1. ***Phương hướng tuần 2***   - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 trong vòng 3 phút để đưa ra phương hướng hoạt động tuần 23 (GV phát phiếu thảo luận và bảng phụ cho các nhóm).  **-** Mời đại diện nhóm ghi trên bảng phụ trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **-** GV chốt lại các phương hướng của HS thành kế hoạch.  **-** GV đính kế hoạch lên bảng, mời một số HS đọc lại.  **-** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi trong 1 phút để đưa ra các biện pháp thực hiện và khắc phục những tồn tại của tuần trước.  **-** Mời đại diện một số nhóm nêu ý kiến.  **-** GV tổng kết, chốt lại.  **Hoạt động 2. Sinh hoạt chủ đề *Tuyên truyền phong trào trường em xanh, sạch, đẹp***  - GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm:  + GV chia lớp thành các nhóm.  + GV phổ biến yêu cầu hoạt động: Các nhóm thiết kế bức tranh tuyên truyền phong trào *Trường em xanh, sạch, đẹp* cụ thể như sau:  *- Chuẩn bị các đồ dùng cần thiết: giấy, bìa cứng, bút, bút màu, giấy màu,...*  *- Trao đổi, thảo luận ý tưởng thiết kế tranh tuyên truyền.*  *- Tiến hành thiết kế tranh tuyên truyền theo ý tưởng cả nhóm đã thống nhất.*  - GV hướng dẫn làm việc cả lớp:  + GV tổ chức các nhóm giới thiệu và chia sẻ thông điệp muốn truyền tải qua bức tranh.  + GV mời một số HS bày tỏ cảm nhận về thông điệp mình thích nhất.  + GV hướng dẫn HS đặt bức tranh ở những vị trí phù hợp để tuyên truyền.    - GV kết luận: *Chúng ta đã thực hiện xong việc thiết kế tranh tuyên truyền và đặt tranh ở vị trí phù hợp để lan tỏa những thông điệp giữ gìn trường em xanh, sạch, đẹp.*  **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động ở nhà: *Giới thiệu với người thân bức tranh em đã thiết kế và thông điệp em muốn truyền tải.* | - HS hát 1 bài.  - Lớp trưởng điều khiển:  + *Các tổ thảo luận, sơ kết trong vòng 3 phút.*  *+ Mời các tổ trưởng báo cáo.*  *+ Mời ý kiến của các bạn tổ viên.*  *+ Các lớp phó nhận xét các mặt mình phụ trách.*  *+ Lớp trưởng có ý kiến và tổng kết, bình chọn tổ và cá nhân xuất sắc tuần 1.*  - HS tuyên dương, vỗ tay khen thưởng cho các bạn có kết quả cao trong tuần; lắng nghe GV nhận xét.  - Cá nhân vi phạm nhận lỗi và đưa ra biện pháp khắc phục.  - HS lắng nghe.  - HS thảo luận nhóm 4 thực hiện yêu cầu của GV.  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe.  - Một số HS đọc bảng kế hoạch tuần mới, các HS còn lại lắng nghe và theo dõi.  - HS thảo luận nhóm đôi thực hiện yêu cầu của GV.  - HS nêu ý kiến.  - HS lắng nghe.  - HS hoạt động theo nhóm.  - HS làm việc theo hướng dẫn của GV.  - HS bày tỏ cảm nhận của bản thân.  - HS đặt bức tranh vào vị trí GV hướng dẫn.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và thực hiện. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..